

NGUYỄN CÔNG HUAN

BIÊN SOẠN

PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

LỚP

8 9



NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phương pháp
LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN
8 & 9

NGUYỄN CÔNG HUẤN
(Biên soạn)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA
TP. HỒ CHÍ MINH

Lời lạc giả

Qua nhiều năm giảng dạy, tôi nhận thấy phần môn Tập làm văn là quan trọng và rất khó. Đa số học sinh khó làm được bài văn nghị luận là vì không hiểu phương pháp làm bài, nghĩa là không hiểu văn đề là gì, lý lẽ là gì ... ; nhất là không biết cách đặt vấn đề, cách giải quyết vấn đề và kết thúc vấn đề có phương pháp. Vì thế trong quá trình giảng dạy, tôi đã tìm ra những mẹo như một "bí kíp" giúp học sinh làm bài có hiệu quả tốt.

Hiểu rõ những qui tắc tìm lý lẽ, dẫn chứng, cách làm phần đặt vấn đề, giải quyết vấn đề và kết thúc vấn đề cũng như các kiểu đề bài, học sinh sẽ làm được bài văn nghị luận dễ dàng.

Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam, một học sinh cũ đến thăm tôi đã phát biểu: "Em cảm ơn thầy, nhờ những kinh nghiệm thầy dạy, em đã làm được bài văn, đã đậu vào sư phạm. Em rất mừng vì trước kia bài văn của em đạt điểm trung bình là hiếm ... ". Một em khác viết: "Thầy ơi, thầy có biết không? Lúc học lớp 8, em nói thiệt nha, em làm bài tập làm văn không theo dần ý của thầy, theo em nghĩ chắc lời văn của em cũng khá nên đạt điểm cao. Nhưng cho đến đầu năm lớp 9, thi môn văn, vì em còn giữ tài liệu của thầy, em lấy ra xem, nào là đặt vấn đề thì "Gợi - Đưa - Báo", giải quyết vấn đề thì "Nào - Sao - Cầm" mà thầy gọi là "Nồi - Soong - Chảo" ... em vẫn nhớ. Lúc đến ngày thi, em mới thấy được sự quan trọng của nó. Em đã áp dụng vào bài kiểm tra. Kết quả thật là tốt đẹp: em là một trong ba bạn đạt điểm cao của lớp. Em rất cảm ơn thầy". Nay tôi đã về hưu, không còn trực tiếp đứng lớp nên biên soạn

cuốn “**Phương pháp làm bài văn nghị luận lớp 8 + 9**” với ước mong rằng sách này sẽ giúp ích được:

1. **Thầy dạy:** Tham khảo cách dạy làm sao để học sinh có thể làm được bài văn dễ dàng.
2. **Trò học:** Bỏ lối “sao chép”, biết tự lực vẽ họa đồ, tìm được vật liệu xây dựng ngôi nhà của mình là bài văn nghị luận.

Sách có 3 phần là: Khái quát về văn nghị luận; phương pháp làm bài văn nghị luận; các kiểu đề bài văn nghị luận. Sau mỗi bài lý thuyết có một số bài hướng dẫn thực hành cụ thể là bài làm của học sinh trong những năm học do tôi giảng dạy.

NGUYỄN CÔNG HUẤN

32/19 Nguyễn Văn Đậu, P5,

Q. Phú Nhuận, ĐT: 5103193

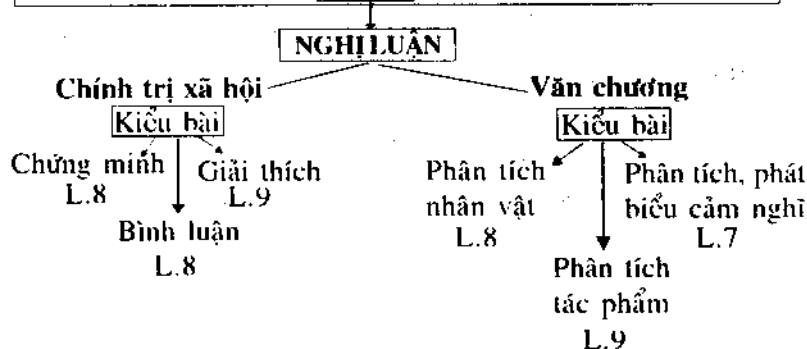


PHẦN I

KHÁI QUÁT

VĂN NGHỊ LUẬN

LOẠI VĂN		ĐỐI TƯỢNG		PHƯƠNG TIỆN DÙNG
MIÊU TẢ	→	CẢNH VẬT	←	GIÁC QUAN
KỂ CHUYỆN	→	SỰ KIỆN	←	NHỚ LẠI
NGHỊ LUẬN	→	VẤN ĐỀ	←	SUY NGHĨ



1. SO SÁNH VĂN NGHỊ LUẬN VỚI VĂN MIÊU TẢ VÀ VĂN KỂ CHUYỆN

Đối tượng của văn miêu tả là cảnh vật. Đối tượng của văn kể chuyện là sự kiện. Muốn làm được hai thể loại này ta dùng phương tiện 5 giác quan và ký ức. Đối tượng của văn nghị luận là **VẤN ĐỀ**. Phương tiện dùng để giải quyết vấn đề là bất người làm bài phải suy nghĩ, nghĩa là phải tư duy, động não nhiều. Vì vậy văn nghị luận rất khó, đọc bài văn nghị luận ta thấy khô và căng, không hấp dẫn như văn miêu tả và kể chuyện. Nhưng văn nghị luận lại rất cần thiết đối với con người. Vì trong cuộc sống con người có nhiều vấn đề bắt ta phải giải quyết nên văn nghị luận rất quan trọng. Con người có trình độ, có tài là con người biết lập luận vững chắc trong giải quyết vấn đề.

2. VẤN ĐỀ LÀ GÌ?

Mỗi khi có một sự việc gì xảy ra đòi hỏi người ta phải giải quyết, không giải quyết không được. Đó là **VẤN ĐỀ**. Hàng ngày chúng ta có nhiều vấn đề từ nhỏ đến lớn, từ dễ đến khó. Nếu để ý ta thấy mỗi người đều có vấn đề phải giải quyết. Ví dụ một học sinh có những vấn đề phải giải quyết là ăn, học, làm bài, vui chơi giải trí, cư xử với mọi người... Cuộc sống của con người có 3 vấn đề lớn nếu không giải quyết thì phải chết. Đó là giải quyết cho có cơm ăn, áo mặc, nhà ở. Ai giải quyết được nhiều vấn đề là người có tài.

3. BÀI VĂN NGHỊ LUẬN LÀ GÌ?

Ta có thể hiểu bài văn nghị luận là bài văn dùng những **LÝ LẼ** và **DẪN CHỨNG** để lập luận, lý giải, bàn bạc (viết hoặc nói) về một **VẤN ĐỀ**, nghĩa là dùng bài viết hoặc nói để thuyết phục người đọc, người nghe hiểu rõ, hiểu đúng quan điểm lập trường của người viết, từ đó có hành động đúng.

Ví dụ viết bài nghị luận bằng cách dùng những lý lẽ và dẫn chứng làm sao thuyết phục người đọc hiểu rõ là muốn gánh vác được việc nước thì con người cần phải có tài và đức. Hiểu rõ mối quan hệ tài và đức thì họ sẽ ra sức trau dồi cả tài lẫn đức mới mong gánh vác được việc lớn, chứ không thể trông chờ ở "ô dù" để nắm chức giữ quyền được.

4. CÁC KIỂU BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Văn nghị luận chia làm hai loại là nghị luận chính trị xã hội và nghị luận văn chương. Nghị luận chính trị xã hội là các bài bàn về nhân sinh quan trong cuộc sống xã hội. Loại này gồm các kiểu bài: chứng minh, giải thích, bình luận. Nghị luận văn chương là nghị luận bàn về các bài văn trích trong tác phẩm hay, bàn về các vấn đề trong tác phẩm. Nghị luận văn chương có các kiểu bài: phân tích

nhân vật, phân tích tác phẩm, phân tích và phát biểu cảm nghĩ. Các kiểu bài nghị luận sẽ triển khai ở phần sau.

Khi làm bài văn nghị luận, ta cần phải làm đúng kiểu bài. Ví dụ đề bài yêu cầu ta chứng minh (dùng dẫn chứng nhiều) hoặc biến bài thành kể chuyện. Nếu đề bài yêu cầu phân tích tác phẩm, ta đừng quên phân tích nghệ thuật kèm theo phân tích lý lẽ đoạn văn hay bài thơ. Muốn làm đúng kiểu bài nghị luận, nhớ phải đọc kỹ phần chỉ định công việc phải làm của đề bài để làm cho đúng kiểu bài.

5. ĐỀ BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Đề bài văn nghị luận thường có hai phần: phần nêu tư tưởng của đề bài (ta gọi tắt là phần “NÊU”) và phần chỉ định công việc phải làm (ta gọi là phần “LÀM”).

Ví dụ:

Đề 1. Em hãy giải thích câu tục ngữ: “Lá lành đùm lá rách”.

P. “Làm”

P. “Nêu”

Đề 2.

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

P. “Nêu”

Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
Sống ở trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công.

(Hồ Chí Minh)

P. “Làm”

Phân tích bài thơ trên và nói sự suy nghĩ của em về rèn luyện tu dưỡng bản thân.

Đề 3.

[Lão Hạc trong truyện Lão Hạc của Nam

P. "Nêu" { Cao là người nông dân trước Cách mạng tháng Tám phải sống cơ cực nghèo khổ thời thực dân Pháp đô hộ. Nhưng lão là người rất lương thiện và có lòng tự trọng cao quý.

P. "Làm" { Em hãy phân tích đặc điểm trên của lão.

6. LÝ LỀ LÀ GÌ?

Bài văn nghị luận có hai chất liệu quan trọng để xây dựng bài là LÝ LỀ và DẪN CHỨNG. Lý lẽ và dẫn chứng giống như gạch và xi-măng cần thiết để xây thành "căn nhà". Lý lẽ là ý giải đáp những câu hỏi mà người ta đặt ra theo yêu cầu của đề bài để giải quyết vấn đề. Lý lẽ phải lập luận vững.

Ví dụ: Giải thích lớp em học tập tốt. Muốn tìm ra lý lẽ để giải thích, ta thường phải trả lời hai câu hỏi sau đây để tìm ra ý giải đáp.

	+ Lớp em học tập tốt thế nào?
Ý giải đáp	- Chăm chỉ – đi học đều – học hành tốt
	- Kỷ luật tốt – kính trọng thầy cô
	+ Tại sao lớp em học tập tốt?
Ý giải đáp	- Tập trung nhiều học sinh chăm ngoan
	- Có ban điều hành giỏi
	- GVCN quản lý chặt
	- GVBM đa số có kinh nghiệm

(Mỗi dấu – dấu dòng biểu tượng một ý)

Lý lẽ thì trừu tượng, muốn lập luận vững phải thêm dẫn chứng cụ thể cho người đọc dễ hiểu.

Ví dụ lý lẽ lớp học tập tốt + dẫn chứng là số đầu bài

cuối tuần có ghi không có học sinh vắng. Giáo viên bộ môn ghi điểm tối đa, được đặt cờ đỏ, giáo viên X ghi khen tiết 5 lớp không có rác.

7. CÁCH TÌM LÝ LẼ

Ví dụ đề bài: Em hiểu thế nào về vấn đề học tập?

P. “Nêu”: Vấn đề học tập

P. “Làm”: Hiểu thế nào = Giải thích bằng lý lẽ

Muốn tìm được nhiều lý lẽ để giải thích toàn diện vấn đề ta cần trả lời 6 câu hỏi sau đây:

1. Học tập là gì? (What)

- Tiếp thu kiến thức của thầy cô giáo
- Tiếp thu kinh nghiệm của người khác
- Nghe giảng rồi làm bài tập

2. Học tập thế nào? (How)

- Chăm, đều – học phải đi đôi với hành
- Học tập phải gắn với lao động sản xuất

3. Ai phải học tập? (Who)

- Mọi người đều phải học tập
- Tuổi học sinh cần học tập nhiều
- Ai chưa biết thì nên học tập

4. Tại sao phải học tập? (Why)

- Con người cần có trình độ văn hóa (chìa khóa) để mở ổ khóa (Khoa học kỹ thuật). Làm cho con người được hạnh phúc.
- Vũ trụ còn nhiều bí ẩn cần tìm hiểu
- Nhận thức rành rẽ đúng sai, phải trái ở đời

5. Học tập ở đâu? (Where)

- Học ở bất cứ nơi nào có thể
- Học ở trường nhiều nhất

6. Học tập khi nào? (When)

- Khi có đủ trí khôn – lúc thầy cô giảng giải
- Học tập ban ngày, nếu cần học cả ban đêm
- Khi có thầy cô dạy giỏi
- Khi có phương tiện tốt về vật chất

Như vậy, ta đã động não trả lời cả thầy 6 câu hỏi tìm ra rất nhiều lý lẽ để giải thích trọn vẹn vấn đề theo yêu cầu của đề bài.

Căn cứ vào ý nghĩa 6 câu hỏi theo mẫu tự Anh văn ta rút ra được quy tắc tìm lý lẽ như sau:

- | | | | | | |
|-------------------|---|----|---|---|------------------------------|
| - What / là gì? | { | 5W | ↓ | + | [Tìm lý lẽ → Quy tắc 5W + H] |
| - Who / ai? | | | | | |
| - Why / tại sao? | | | | | |
| - Where / ở đâu? | | | | | |
| - When / khi nào? | | | | | |
| - How / thế nào? | { | 1H | ↑ | | ① |

Áp dụng quy tắc trên không có nghĩa là phải trả lời hết 6 câu hỏi. Ta chỉ nên tìm ra lý lẽ nào đáp ứng được yêu cầu của đề bài mà thôi.

Thường khi giải thích, ta chỉ phải trả lời 3 câu hỏi sau:

- ... thế NÀO? → - N
- ... tại SAO? → - S
- ... CẢM xúc suy nghĩ → - C

Rút ra quy tắc: **NÀO – SAO – CẢM → NSC** ②

Ví dụ áp dụng vào để giải thích như sau:

Trò A thường xuyên không làm bài tập ở nhà, thầy giáo bắt viết tự kiểm.

Muốn viết được bản tự kiểm, nghĩa là giải thích về vấn đề không làm bài tập ở nhà thì phải trả lời 3 câu hỏi:

1. ... **NÀO?** Cốt nghĩa: Không làm bài tập thế nào?
 - Thầy bảo làm các bài tập trong sách giáo khoa toán.
 - Em đã không làm được bài tập nào dù làm ở nhà.
 - ...
2. ... **SAO?** Trọng tâm giải thích: Tại sao em không làm bài tập?
 - Buổi học lý thuyết, em nhức đầu nên tiếp thu kém.
 - Em chưa mua được sách giáo khoa vì nhà nghèo.
 - Em cũng có phần lười biếng.
3. ... **CÀM?** Cảm xúc suy nghĩ về lỗi đã không làm bài?

Muốn đưa ra cảm xúc suy nghĩ của mình sau khi đã giải thích vấn đề, ta đặt 3 câu hỏi sau:

- a) Do đâu mà có sự việc viết tự kiểm?
 - Biện pháp vừa để phạt, vừa để mọi người phạm lỗi nhận thức ra sai trái mà tu sửa.
 - Thấy không muốn phạt trò bằng roi vọt.
 - ...
- b) Ý nghĩa của việc viết bản tự kiểm?
 - Cách giáo dục nhẹ nhàng, hiệu quả.
 - Là cách để trình bày rõ lỗi lầm hoặc không có lỗi.
- c) Thực hành, nhận thức đúng về vấn đề:
 - Cố gắng khắc phục những trở ngại trong việc học.
 - Chăm chú nghe giảng bài cho hiểu bài, thiếu sách giáo khoa sẽ mượn của bạn.
 - Hứa phải làm bài đầy đủ
 - ...

Từ đó ta rút ra quy tắc khi phát biểu cảm xúc suy nghĩ để ra được ý → lý lẽ là:

CÀM xúc suy nghĩ → **DO** - **Ý** - **THỰC** **3**

Học sinh hiểu rõ 3 quy tắc trên thì sẽ tìm ra được nhiều ý → lý lẽ rất phong phú. Trong quá trình giảng dạy, tôi thấy học sinh vốn yếu làm văn nghị luận tiến bộ rất nhanh. Có học sinh tỏ ra thích thú, đã sáng chế quy tắc ② “NÀO – SAO – CẢM” thành “NỒI – SOONG – CHẢO”.

Tôi nói: “nhà nào cũng phải dùng “NỒI – SOONG – CHẢO” chứ.

Có những học sinh dù không học tôi, được học sinh lớp tôi dạy phổ biến các quy tắc trên, gặp tôi cũng chào tôi nói: “Thầy! NÀO – SAO – CẢM!” một cách thân mến. Có em học sinh cấp 3 nói: “Giờ chơi chúng em nói với nhau về những “bí kíp” thầy đã dạy một cách thích thú và lại nhớ đến **Bố Huấn**”.

Ta có thể áp dụng qui tắc 2 để giải thích bất cứ vấn đề nào. Ở giai đoạn SAO phải biết lập luận tìm ra “nguyên nhân của nguyên nhân” thì lý lẽ mới sâu sắc.

Ví dụ: Em hãy giải thích vấn đề học sinh tặng quà cho thầy cô nhân ngày 20 – 11.

Cốt lõi giải thích là trả lời tại sao.

1. NÀO: Học sinh tặng quà cho thầy cô thế nào?

- ... - ... - ...

2. SAO: Tại sao học sinh tặng quà cho thầy cô?

- Vì học sinh quý mến thầy.

+ Tại sao học sinh quý mến thầy?

- Vì thầy đạo đức, gương mẫu, dạy giỏi.

+ Tại sao học sinh có tiền để mua quà tặng?

- Cha mẹ học sinh cho tiền.

+ Tại sao cha mẹ học sinh có tiền để mua quà tặng thầy?

- Vì cha mẹ thương yêu con của mình, muốn con mình học giỏi nên cũng quý mến thầy. (1)

Ý cuối cùng (1) là nguyên nhân của nguyên nhân.

Nếu biết liên tục đặt câu hỏi tại sao để tìm lý lẽ, ta sẽ tìm ra nhiều lý lẽ và lý lẽ cuối cùng là nguyên nhân sâu sắc nhất. Đó là lập luận ra ý ở trình độ cao.

3. CÂM: Cảm xúc suy nghĩ về vấn đề tặng quà?

a) Do: Do đâu mà có truyền thống đó?

b) Ý: Ý nghĩa ngày 20 – 11?

c) Thực: Thực hành ngày 20 – 11 của em:

8. BÀI TẬP TÌM LÝ LẼ

Bài tập 1. Điền những lý lẽ vào khoảng trống có gạch ngang sau đây để lý giải một trường hợp học sinh tung một trái banh mủ ra lớp trong giờ học, bị giáo viên phạt viết tự kiểm.

Bản tự kiểm

Trò phạm lỗi: Nguyễn Văn A

Lỗi phạm: Tung banh mủ ra lớp trong giờ học

1. Em phạm lỗi thế nào?

- ...

- ...

2. Tại sao em tung banh ra lớp học?

- Trò X ném banh vào trò B

- Trò B ném sang trò C

- Trò C quăng vào mặt em (trò A)
- Em tức quá tung luôn ra lớp

3. Em cảm thấy thế nào về việc làm sai trái đó?

- a) Do –
- b) Ý –
- c) Thực –

Đương sự ký tên

Bài tập 2. Áp dụng quy tắc 2 và 3, em tìm lý lẽ để giải thích 2 câu tục ngữ sau:

- a) “Lá lành đùm lá rách”
- b) “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”

9. DẪN CHỨNG LÀ GÌ?

Dẫn chứng là số liệu, sự kiện, hiện tượng, nhân chứng, danh ngôn, văn thơ ... lấy từ tài liệu, lịch sử có thật để làm sáng tỏ một vấn đề.

Thường dẫn chứng đi kèm với một lý lẽ để làm cho lý lẽ dễ hiểu, có giá trị thuyết phục cao.

Dẫn chứng thường phải ngắn gọn, không dài dòng như kể chuyện. Dẫn chứng phải sát hợp với nội dung.

Ví dụ: Trò A là học sinh giỏi, đã 3 năm liền đạt danh hiệu học sinh xuất sắc.

ND

ĐC

Bài văn nghị luận chứng minh cần có nhiều dẫn chứng.

10. CÁCH TÌM DẪN CHỨNG

Ví dụ: Em hãy chứng minh lớp em học tập tốt.

Muốn tìm được nhiều dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề lớp em học tập tốt, ta phải biết đặt vấn đề thành các câu hỏi, rồi trả lời, từ đó tìm ra dẫn chứng như sau:

1. MẶT: Lớp em học tập tốt ở các mặt (phương diện, khía cạnh) nào?

- + Mặt học văn hóa – DC ...
- + Mặt kỷ luật – DC ...
- + Mặt tham gia các phong trào – DC ...
- + Mặt quan hệ với thầy cô – DC ...
- + Mặt quan hệ với bạn – DC ...

2. KHÔNG: (không gian, địa điểm) Lớp em học tập tốt ở nơi nào?

- + Ở trong lớp – DC ...
- + Ở sân trường lúc truy bài đầu giờ – DC ...
- + Ở hội trường giờ học ngoại khóa – DC ...

3. GIAI: (Giai cấp, tầng lớp giàu nghèo ... nam, nữ) đều học tập tốt thế nào?

- + Nam sinh – DC ...
- + Nữ sinh – DC ...
- + Học sinh con nhà khá giả – DC ...
- + Học sinh con nhà nghèo – DC ...

4. THỜI: (Thời gian sáng chiều; mùa nóng, lạnh; khi nào, lúc nào ...)

Lớp em học tốt khi nào?

- + Khi học giờ văn – DC ...
- + Khi học môn toán – DC ...
- + Lúc học thể dục – DC ...

5. LỬA: (Lứa tuổi già, trẻ; giới tính ...) Lứa tuổi lớp em học tập tốt thế nào?

- + Học sinh lớn - DC ...
- + Học sinh nhỏ - DC ...

Vậy, nhờ 5 từ kể trên, ta biết đặt câu hỏi sẽ tìm ra được dẫn chứng phong phú, ta có thể rút ra thành qui tắc:

MẶT-KHÔNG-GIAI-THỜI-LÚA ④

Để cho dễ thuộc, dễ nhớ, 3 từ sau đây ta hiểu nghĩa là:

- Giai = Giai nhân $\Rightarrow$ đẹp
- Thời = Thì
- Lúa = Lúa $\Rightarrow$ không có gì

$\rightarrow$ Qui tắc hiểu thành câu nói:

“Mặt không đẹp thì ế chồng”

11. CÁCH TRÌNH BÀY DẪN CHỨNG

Dẫn chứng phải biết sắp xếp theo thứ tự thời gian và không gian. Ví dụ dẫn chứng bằng các sự kiện lịch sử phải theo thứ tự diễn biến theo thời gian và không gian. Dẫn chứng luôn phải sát hợp với luận điểm chứng minh. Ví dụ chứng minh học sinh lớp 9A học tập tốt thì không thể dẫn chứng học sinh lớp 9B học tập tốt được.

Dẫn chứng không phải là liệt kê. Nghệ thuật dẫn chứng là phải biết giới thiệu, dẫn dắt, phân tích, trước khi nêu dẫn chứng. Có 3 loại dẫn chứng:

1. Dẫn chứng bằng văn thơ:

Ví dụ:

Giới thiệu, dẫn dắt phân tích	{	Người chiến sĩ cách mạng coi ngục tù như một trường học, nơi rèn luyện mình. Bác Hồ đã chủ động chấp nhận gian khổ luyện tinh thần để đi tới thành công:
-------------------------------------	---	--

Dẫn chứng
văn thơ { “Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
Sống ở trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công”.

2. Dẫn chứng bằng văn xuôi:

Ví dụ:

Dẫn dắt { Người dân miền Nam chung thủy với cách mạng, không hề nao núng trước khủng bố của quân thù.

Dẫn chứng
văn xuôi { Đọc “Hòn đất” ta thấy mẹ Sáu trung thành với cách mạng đến cùng, mặt dù biết con mình sẽ bị giết. Mẹ nghĩ “Thiên lương hơn đứa con của mẹ là cuộc cách mạng mà mẹ suốt đời tin tưởng và gắn bó”.

3. Dẫn chứng bằng thực tế cuộc sống:

Ví dụ:

Dẫn dắt { Miền Nam gan góc có những anh hùng du kích nông dân mặc áo lính.

Dẫn chứng
thực tế { Đó là Phạm Văn Cội nơi đất Củ Chi. Đó là Nguyễn Thị Hạnh anh hùng đất Long An trung dũng kiên cường diệt Mỹ.

Lưu ý: Dẫn chứng này khác với hai dẫn chứng trên là không dùng dấu ngoặc kép “...”

12. BÀI TẬP TÌM DẪN CHỨNG

Áp dụng quy tắc 4 tìm những dẫn chứng điền vào khoảng trống có dấu chấm:

1. Chứng tỏ quê hương ta giàu:

a) Mặt tài nguyên:

- Mỏ ...

- Rừng ...
- Biển ...

b) Mặt sức lao động:

- Con người ...
- Trí tuệ ...

2. Chứng tỏ quê hương ta đẹp:

a) Mặt thiên nhiên:

- Thắng cảnh ...
- Thành phố ...
- Biển hồ ...

b) Mặt con người:

- Hình dáng ...
- Y phục ...
- Bản sắc dân tộc ...

3. Chứng minh đế quốc Mỹ đã gây nhiều tội ác cho nhân dân Việt Nam.

a) Mặt quân sự:

- Bom ...
- Máy bay ...
- Xe tăng ...
- Chất độc hóa học ...

b) Mặt kinh tế:

- Ruộng lúa, mùa màng ...
- Vườn cây ...
- Hoa màu ...

c) Mặt văn hóa:

- Sách báo ...
- Phim ảnh ...
- Nhân phẩm ...

PHẦN II

PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Bài văn nghị luận nào cũng đủ 3 phần, mà ta gọi là đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết thúc vấn đề. Mỗi phần phải trình bày, xếp ý rõ ràng, ý tưởng không lộn xộn, lời văn gọn gàng, lập luận chặt chẽ. Nghĩa là làm bài cũng cần đúng phương pháp và cân đối theo tỷ lệ:

Đặt vấn đề = ĐVD: 1-2/10 bài

Giải quyết vấn đề = GQVD: 8/10 bài

Kết thúc vấn đề = KTVĐ: 1-2/10 bài

1. CÁCH ĐẶT VẤN ĐỀ

Đặt vấn đề là phần đầu bài văn nghị luận. Đó là bước đầu để gây sự chú ý, chiếm được cảm tình hay mất cảm tình đối với người chấm bài. Vì “vạn sự khởi đầu nan”.

Thường đưa ra vấn đề, người ta cảm thấy ngại ngùng, khó khăn vì không biết nghệ thuật đưa vấn đề. Có 2 cách đặt vấn đề là trực khởi và lung khởi. Ví dụ mẹ sai con đến nhà bác vay một trăm ngàn đồng để mua gạo. Em đến nhà bác mình sẽ phải đưa vấn đề:

- Cách trực tiếp: “Mẹ nói bác cho mẹ vay ... ”

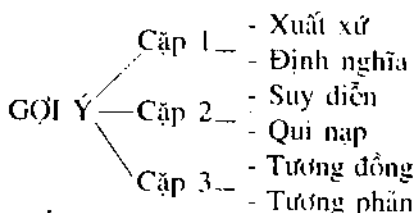
- Cách lung khởi: Hỏi thăm sức khỏe của bác, công việc làm ăn của bác, tình hình kinh tế khó khăn của gia đình mình rồi mới đưa vấn đề vay tiền mua gạo.

Cách trực tiếp khó gây được cảm tình. Cách lung khởi dễ gây được cảm tình hơn.

Cách đặt vấn đề tốt nhất là có 3 ý: Gợi ý, đưa vấn đề ra rồi báo trước thân bài. Để dễ thuộc dễ nhớ ta rút ra quy tắc:

DVD → GỢI – ĐƯA – BÁO

+ **GỢI**: là gợi ý đề rồi đưa vấn đề. Gợi ý phải sát hợp với ý đưa vấn đề. Không thể gợi ý một đằng lại đưa vấn đề một nẻo. Có nhiều lối khác nhau, tùy theo kiểu đề bài ta chọn cho thích hợp. Ta rút ra quy tắc 3 cặp, 6 lối sau:



++ **ĐƯA**: là đưa vấn đề ra. Vấn đề có nội dung chứa ở phần “nêu” tư tưởng của đề bài. Nội dung của vấn đề có thể “nổi” (ý rõ ràng) hoặc “chìm” (ý bóng bẩy, ẩn dụ), hay ẩn chứa mối quan hệ của các vế câu. Thế cho nên cách đưa vấn đề đúng nhất, (không thể đưa vấn đề không rõ ràng hoặc sai được) là trích y phần “nêu” của đề bài sau khi đã gợi ý.

Rút ra quy tắc:

ĐƯA VẤN ĐỀ → TRÍCH Y PHẦN “NÊU” CỦA ĐỀ BÀI

Không biết cách đưa vấn đề, đưa vấn đề sai hoặc không rõ. Điều đó chứng tỏ người làm bài không hiểu vấn đề nên không thể giải quyết được vấn đề. Người chấm bài sẽ đánh giá thấp bài văn nghị luận này.

+++ **BÁO**: là báo trước thân bài, ví như thông qua chương trình một buổi họp nào đó. Đó cũng là câu chuyện mạch hàm ý báo trước hướng giải quyết vấn đề.

Nếu có báo trước thân bài sẽ có tác dụng làm cho bài mạch lạc, nhất là làm cho người chấm bài biết trước khả năng giải quyết được vấn đề hay không của người viết để đọc lướt qua phê điểm yếu hoặc sẽ đọc kỹ cho điểm khá. Vì người có trình độ, trước khi muốn trình bày một điều gì, thường báo trước diễn biến việc mình làm.

2. ĐẶT VẤN ĐỀ MINH HỌA

Đề bài

Trong một buổi nói chuyện với học sinh, chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó".

Em hãy giải thích câu nói trên.

Đặt vấn đề 1

Gợi ý: (+Gợi: Bác Hồ là lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam. Bác là một chiến sĩ cách mạng, chiến sĩ cộng sản lỗi lạc của quốc tế. Bác chẳng những là người giỏi về chính trị, quân sự, mà Bác còn là một nhà giáo dục uyên bác.

Xuất xứ → khi thấy xuất xứ của văn đề

Đưa vấn đề: Trích y phần "nêu" của đề bài (++ĐƯA: Vì thế, trong một buổi nói chuyện với học sinh, Bác có dạy: "Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó".

Báo trước thân bài: (+++BÁO: Sau đây, chúng ta tìm hiểu thế nào là người có tài, có đức (b). Tại sao có tài không đức lại là người vô dụng (c), có đức không có tài thì làm việc gì cũng khó (d), tài đức phải bổ sung cho nhau (e).

- Xác định kiểu bài (a)

- Hướng giải quyết vấn đề, có 4 ý (b, c, d, e)

Đặt vấn đề 2

(+Gợi: Tài là khả năng làm việc thành thạo, đạt hiệu quả cao. Người có tài là người giải quyết được nhiều vấn đề trọng đại, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Đức là đạo đức, người có đức độ, có lòng thương người, làm việc phục vụ vì mọi người.

(++ĐUẢ): "... nt..."

(+++BÁO): ... nt...

NHẬN XÉT

- Gợi ý theo lối định nghĩa
- Áp dụng khi có từ ngữ khó là trọng tâm của vấn đề.

Đặt vấn đề 3

(+Gợi): Tài và đức là 2 yếu tố cần thiết tạo thành con người tốt, toàn diện, hữu ích (R1). Ở trường học, muốn đánh giá học sinh, thầy cô thường dựa vào trình độ văn hóa và hạnh kiểm của trò (r2). Trong một lớp ta thấy có học sinh giỏi nhưng tính hạnh lại kém, có bạn đạo đức tốt nhưng học tập lại yếu (r3). Ngoài xã hội cũng thế, có cán bộ công nhân viên có tài nhưng lại tham ô, có cán bộ công nhân viên rất chí công vô tư nhưng lại kém tài năng (r4).

(++ĐUẢ): Hiểu rõ được thiếu sót ấy, Bác Hồ đã dạy: "... nt..."

(+++BÁO): ... nt...

NHẬN XÉT

- Gợi ý: từ R1 $\rightarrow$ r2+r3+r4

(Suy diễn từ cái chung $\rightarrow$ cái riêng)

- Áp dụng: khi tìm được vấn đề là cái chung có thể suy ra những trường hợp riêng lẻ là cái riêng có kết hợp ý.

Đặt vấn đề 4

(+Gợi): Ở trường học, muốn đánh giá học sinh, thầy cô giáo thường phải dựa vào trình độ văn hóa và hạnh kiểm của trò (r2). Trong lớp, ta thấy có học sinh giỏi, nhưng tính hạnh lại kém, có bạn đạo đức tốt nhưng học tập lại yếu

(r3). Ngoài xã hội cũng thế, có cán bộ công nhân viên có tài nhưng lại tham ô, có cán bộ công nhân viên rất chí công vô tư nhưng lại kém tài năng (r4). Xem vậy, tài và đức là hai yếu tố cần thiết để tạo thành con người tốt toàn diện, hữu ích (R1). (++Đưa) ... nt... (+++Báo) ... nt...

NHẬN XÉT

- Gợi ý theo lối: từ $r2 + r3 + r4 \rightarrow R1$

(Quy nạp từ cái riêng $\rightarrow$ cái chung)

- Áp dụng: ngược lại với suy diễn

Đặt vấn đề 5

(+Gợi): Đầu tác phẩm Truyện Kiều, Nguyễn Du có đưa ra vấn đề “Chữ tài, chữ mệnh mới là ghét nhau”. Kết thúc truyện với câu thơ “Thiện căn ở tại lòng ta, chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Tâm ví như cái đức của con người. Tác giả đặt đức trên tài. Như vậy vấn đề tài và đức người xưa cũng đã đặc biệt quan tâm.

(++Đưa): Để hiểu rõ được mối quan hệ tài và đức quan trọng như thế nào, Bác Hồ cũng đã dạy: “... nt...”

(+++Báo) ... nt...

NHẬN XÉT

- Gợi ý theo lối: tương đồng

- Áp dụng khi thấy có câu văn, thơ hay tục ngữ, ca dao có ý tương đương đồng với ý đưa vấn đề.

Đặt vấn đề 5

+ GỢI: Ngày nay, thanh niên học sinh có những tấm gương rèn luyện học tập toàn diện để trở thành người thực sự hữu dụng, vẫn còn không ít học sinh học tập chỉ mong đỗ đạt thành tài mà coi nhẹ việc rèn luyện đạo đức. Ngược

lại, cũng có người chỉ lo giữ mình không vi phạm quy tắc đạo đức mà ít rèn luyện tài năng.

(++ĐUÀ): Đề khuyên học sinh phải rèn cả tài và đức, Bác Hồ có dạy: "... nt ... "

(+++BÁO): ... nt ...

NHẬN XÉT

- Gợi ý: Có nội dung tương phản với ý đưa vấn đề.
- Áp dụng: Khi có câu văn, thơ hay ý tưởng trái với ý của đưa vấn đề.

3. BÀI TẬP ĐẶT VẤN ĐỀ

Đề bài

Một trong 5 điều Bác Hồ dạy thiếu nhi là: "Học tập tốt, lao động tốt". Em hiểu lời dạy trên như thế nào? Phát biểu suy nghĩ của em về trách nhiệm học tập và lao động trong hoàn cảnh đất nước ta hiện nay.

Bài tập 1. Nhận xét lỗi gợi ý và cách đưa vấn đề, cách báo trước thân bài của phần DVD sau đây:

a) Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Bác có công lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Bác đã lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ. Sự nghiệp đấu tranh giành độc lập cho nhân dân ta đã dẫn tới thống nhất cả hai miền Nam Bắc từ 30-04-1975. Bác còn là nhà giáo dục rộng rãi nhìn xa nên thường quan tâm đến sự nghiệp trồng người. Một trong 5 điều Bác đã dạy thiếu nhi là "Học tập tốt, lao động tốt".

Chúng ta sẽ giải thích điều Bác dạy trên đồng thời nói sự suy nghĩ của mình về lao động tốt, học tập tốt.

b) Học tập tốt là chăm chỉ tiếp thu kiến thức mới, học phải đi đôi với hành, biết kết hợp với lao động sản xuất. Học

tập tốt còn thể hiện ở việc kính trọng thầy cô giáo. Lao động tốt là việc làm có ý thức, có kỷ luật, sản xuất được nhiều của cải vật chất. Học tập tốt, lao động tốt là hai điều quan trọng trong đời sống của con người, thế nên một trong 5 điều Bác dạy thiếu nhi là: “Học tập tốt, lao động tốt”.

Chúng ta phải hiểu điều dạy trên như thế nào. Từ đó em sẽ phát biểu trách nhiệm học tập và lao động tốt trong giai đoạn hiện nay.

Bài tập 2. Từ đặt vấn đề có gợi ý lối suy diễn sau đây, em hãy đổi sang gợi ý lối quy nạp.

Học sinh chúng ta ai ai cũng phải học tập và lao động tốt. Hàng ngày đại đa số thanh thiếu niên đều đến trường học tập. Ngoài xã hội, ta thấy mọi người đều phải làm việc để tồn tại. Học tập tốt để nâng cao trình độ văn hóa, tiếp thu được khoa học kỹ thuật mà lao động sản xuất, mang lại ấm no hạnh phúc. Hiểu rõ những điều quan trọng kể trên nên Bác đã dạy thiếu nhi là phải: “Học tập tốt, lao động tốt”.

Chúng ta phải hiểu thế nào là học tập tốt, lao động tốt và tại sao phải như vậy. Từ đó có trách nhiệm trong việc học và lao động của mình.

4. CÁCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Thân bài bài văn nghị luận gọi là giải quyết vấn đề (GQVĐ), có độ dài bằng 8/10 bài, là phần quan trọng nhất của bài văn nghị luận. Vì bao nhiêu lý lẽ, dẫn chứng được đem ra thảo luận bàn bạc để thuyết phục người đọc.

Khi đọc bài văn nghị luận, người chấm có rất nhiều thiện cảm với bài lập luận vững, dàn ý rõ ràng, có thứ tự hợp lý, phân đoạn sáng sủa, lời gọn gàng, chuyển ý mạch lạc.

Muốn làm phần này, ta cần lưu ý các điểm sau:

- Viết câu văn ngắn, dễ hiểu. Nhớ dùng dấu câu cho đúng. Không biến bài văn thành kể chuyện.

- Trình bày sáng sủa: Có phân đoạn, có kết cấu dựng đoạn đúng cách: “Nêu ý cơ bản – phát triển đoạn – kết đoạn”. Đầu mỗi đoạn viết lùi sang phải 3 ô. Nếu phải bôi bô câu nào, chữ nào ta chỉ cần gạch một gạch mờ, không bôi đậm. Tránh viết tắt và viết hoa vô lý. Nét chữ viết phải rõ ràng.
- Điều quan trọng nhất là phải biết lập được dàn ý tổng quát và chi tiết (có gắn thêm ý vào dàn ý tổng quát).

5. QUY TẮC LẬP DÀN Ý PHẦN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Khi tìm hiểu đề bài, ta tìm các khía cạnh của phần “Nêu” tư tưởng và các khía cạnh của phần chỉ định công việc “Làm” của đề bài.

- + Khía cạnh của “Nêu” do căn cứ ở cách xếp ý, các dấu câu, quan hệ giữa các vế câu hoặc ở từ ngữ quan trọng.
- + Khía cạnh của “Làm” do căn cứ ở kiểu đề bài. Kiểu bài chứng minh thì khía cạnh đặt ở mặt nào, thời kỳ nào, giai cấp, lứa tuổi nào. Kiểu bài giải thích thì ... - thế nào (N), ... -tại sao (S). Kiểu bài bình luận thì bình rồi luận. Kiểu bài phân tích nhân vật thì phân tích các đặc điểm rồi đánh giá ...

Sau khi tìm được các khía cạnh của phần “Nêu” và “Làm”, ta đặt khía cạnh của “Nêu” làm ý lớn thì khía cạnh của “Làm” làm ý nhỏ sẽ có dàn ý tổng quát 1. Rồi đặt khía cạnh của “Làm” làm ý lớn thì khía cạnh của “Nêu” làm ý nhỏ sẽ có dàn ý tổng quát 2. Xem dàn ý nào hợp ý nhất ta chọn, viết các đề mục của dàn ý này có các khoảng cách để trống rồi suy nghĩ tìm ra những ý, mỗi ý ghi bằng một gạch ngang. Sau đó có đầy đủ ý ở các khoảng trống, đó là dàn ý chi tiết. Nhìn vào ý chi tiết người ta triển khai thành bài văn nghị luận. Vậy chúng ta rút ra quy tắc làm dàn ý phần giải quyết vấn đề như sau:

**Dàn ý
GQVĐ**

8

1. Tìm khía cạnh của phần “Nêu” và “Làm” của đề bài.
2. Lập dàn ý tổng quát: Khía cạnh “Nêu” làm ý lớn thì “Làm” làm ý nhỏ và ngược lại.
3. Chọn dàn ý hợp lý, tìm ý thêm vào thành dàn ý chi tiết.

6. MINH HỌA CÁCH LẬP DÀN Ý PHẦN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Bác Hồ nói: “ Lao động là vẻ vang, lao động nào cũng quý như nhau”.

Em hãy giải thích câu nói đó. Là học sinh sắp học hết lớp 9, em hãy liên hệ bản thân để nói lên suy nghĩ của mình về vấn đề này.

DIỄN BIẾN TÌM DÀN Ý + GQVĐ

1. Tìm khía cạnh:

+ Căn cứ “Nêu”:

- N1. Lao động là vẻ vang
- N2. Lao động nào cũng quý như nhau

+ Căn cứ “Làm”:

- L1. Giải thích
- L2. Liên hệ bản thân suy nghĩ

2. Lập dàn ý tổng quát:

Dàn ý 1

(Nêu: ý lớn)

- N1. Lao động là vẻ vang
- L1. Giải thích
- N. Thế nào là lao động vẻ vang?
- S. Tại sao lao động là vẻ vang?
- L2. Liên hệ bản thân
- N2. Lao động nào cũng quý
- L1. Giải thích
- L2. Liên hệ

Dàn ý 2

(Làm: ý lớn)

- L1. Giải thích
- N1. Lao động là vẻ vang
- N.
- S.
- N2. Lao động nào cũng quý
- N. - ... S ...
- L2. Liên hệ bản thân, suy ng
- Do ... - Ý ... - Thực ...

→ Chọn dần ý 2 vì hợp lý hơn.

3. Dần ý chi tiết:

(Suy nghĩ trả lời câu hỏi ghi vào khoảng trống)

L1. Giải thích:

N1. Lao động là vẻ vang.

N + Lao động là thế nào?

+ Thế nào là vẻ vang?

S + Tại sao lao động là vẻ vang?

N2. Lao động nào cũng quý như nhau.

N + Quý như nhau thế nào?

S + Tại sao lao động nào cũng quý như nhau?

L2. Liên hệ bản thân suy nghĩ: áp dụng “Do - Ý - Thực”

1. Do đâu Bác Hồ mới nói như vậy?

2. Ý nghĩa lời nói của Bác?

3. Thực hiện bản thân về lao động:

Đề bài kiểu giải thích

Em hiểu thế nào về câu tục ngữ:

“Phú quý sinh lễ nghĩa, bần cùng sinh đạo tặc”.

Nếu đã hiểu rõ quy tắc tìm dần ý giải quyết vấn đề như trên, ta có thể lướt qua giai đoạn tìm khía cạnh và dần ý tổng quát mà làm luôn dần ý chi tiết:

Ta thấy: Phần “Nêu”: có 2 vế câu: 2 khía cạnh

Phần “Làm”: Hiểu thế nào = Giải thích

Kiểu bài này áp dụng quy tắc “Nào – Sao – Cảm” (N.S.C) 3 khía cạnh. Vậy dàn ý hợp lý là:

Lấy khía cạnh của “Làm” làm ý lớn

I. L1. = Nào + Thế nào là phú quý? - ...

N1.+ Thế nào là lễ nghĩa? - ...

+ Thế nào là phú quý sinh lễ nghĩa? - ...

+ Thế nào là bản cùng? - ...

N2.+ Thế nào là đạo tặc? - ...

+ Thế nào là bản cùng sinh đạo tặc? - ...

II. L2. = Sao

1. S1. Tại sao phú quý sinh lễ nghĩa? - ...

2. S2. Tại sao bản cùng sinh đạo tặc? - ...

II. L3. = Cảm “Do – Ý – Thực”

1. Do đâu có câu tục ngữ đó? - ...

2. Ý nghĩa?

3. Thực hiện của bản thân về câu tục ngữ: - ...

Để cho thoáng, dễ nhận biết và nhanh chóng ta nên lập dàn ý 1 và 2 một cách vắn tắt chỉ bằng các ký hiệu N1, N2, ... (các khía cạnh phần “Nêu”); L1, L2, ... (các khía cạnh phần “Làm”), áp dụng ở mục 2 quy tắc 8 rồi chọn dàn ý có ghi rõ để mục để tìm ý.

Đề bài áp dụng kiểu chứng minh

Rừng mang lại cho con người nhiều lợi ích, cho nên ta cần phải bảo vệ rừng. Hãy chứng minh.

1. Tìm khía cạnh:

+ Căn cứ “Nêu” – N1. Rừng ... lợi ích

– N2. Ta phải bảo vệ rừng

+ Căn cứ “Làm”: Kiểu bài chứng minh – Áp dụng quy tắc 4
 “Mặt ... Lúa” ... lợi ích ở mặt:

- L1. Lâm sản
- L2. Khoáng sản
- L3. Thú quý hiếm
- L4. Thuốc nam

2. Lập dàn ý:

Dàn ý 1 Dàn ý 2

N1. ... L1. ...

L1. ... N1. ...

L2. ... N2. ...

L3. ... L2. ...

L4. ... N1. ...

N2. ... N2. ...

L1. ... L3. ...

L2. ... N1. ...

L3. ... N2. ...

L4. ... L4. ...

N1. ...

N2. ...

Chọn
dàn
ý
1

Dàn ý có đề mục để tìm ý

I. Rừng mang lại lợi ích cho con người

1.- Về lâm sản: ...

2.- Về khoáng sản: ...

3.- Về thú quý hiếm: ...

4.- Về thuốc nam: ...

II. Con người phải bảo vệ rừng.

1.- Bảo vệ lâm sản: ...

2.- Bảo vệ khoáng sản: ...

3.- Bảo vệ thú quý hiếm: ...

4.- Bảo vệ thuốc nam: ...

Đề bài áp dụng giải thích vấn đề chìm

Giải thích câu tục ngữ: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”.

1. Tìm khía cạnh của:

+ Phần “Nêu”: - N1. Có công mài sắt
 - N2. Có ngày nên kim

+ Phần “Làm”: - L1. Nào
 - L2. Sao
 - L3. Cảm

Giải thích

2. Lập dàn ý:

Dàn ý 1 Dàn ý 2

N1. ... L1. ...

L1. ... N1. ...

L2. ... N2. ...

L3. ... L2. ...

N2. ... N1. ...

L1. ... N2. ...

L2. ... L3. ...

L3. ... N1. ...

N2. ...

Chọn
dàn ý
1

Dàn ý tổng quát để tìm ý

I. Có công mài sắt

1. Thế nào là có công mài sắt?

+ Nghĩa đen ... + Nghĩa bóng ...

2. Tại sao phải có công mài sắt ?

... ..

3. Suy nghĩ về cố gắng lao động:

... ..

II. Có ngày nên kim

1. Thế nào là có ngày nên kim?

+ Nghĩa đen ... + Nghĩa bóng ...

2. Tại sao có ngày nên kim?

... ..

3. Suy nghĩ về thành quả:

... ..

Đề bài áp dụng kiểu bình luận

Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Em hãy bình luận lời dạy đó.

1. Tìm khía cạnh:

+ Căn cứ “Nêu” → N1. Học hỏi ... suốt đời

+ Căn cứ “Làm” → L1. Bình

→ L2. Luận

2. Lập dàn ý:

Dàn ý 1 Dàn ý 2

N1. ... L1. ...

N.S.C

L1. ... L2. ...

L2. ... -

-

-

Chọn dàn ý 2

I. Bình

+ N: Thế nào là “Học ... suốt đời”?

-

+ S: Tại sao phải học ... suốt đời?

+ C: Xác định đúng sai ...

II. Luận:

+ Lập ngược vấn đề ... + Khơi sâu vấn đề ...

+ Tác dụng vấn đề ... + Thực hiện...

Đề bài kiểu phân tích nhân vật

Lão Hạc trong truyện “Lão Hạc” của Nam Cao là người nông dân trước Cách mạng tháng Tám phải sống cơ cực, nghèo khổ thời thực dân Pháp đô hộ nhưng lão là người rất lương thiện và có lòng tự trọng cao quý.

Em hãy phân tích đặc điểm trên của lão.

1. Tìm khía cạnh:

+ Căn cứ “Nêu” - N1. Lão Hạc lương thiện

- N2. Lão Hạc tự trọng

+ Căn cứ “Làm” - L1. Phân tích đặc điểm

- L2. Đánh giá nhân vật

2. Lập dàn ý:

Dàn ý 1 Dàn ý 2

N1. ... L1. ...

L1. ... N1. ...

L2. ... N2. ...

N2. ... L2. ...

L1. ... N1. ...

L2. ... N2. ...

Chọn dàn ý 2

I. Phân tích các đặc điểm

1. Lão Hạc lương thiện

2. Lão Hạc tự trọng

II. Đánh giá nhân vật

1. Phẩm chất lương thiện

2. Phẩm chất tự trọng

Đề bài kiểu phân tích tác phẩm

BÁNH TRỜI NƯỚC

“Thân em vừa trắng lại vừa tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son”.

Hồ Xuân Hương

Em hãy phân tích bài thơ trên.

1. Tìm khía cạnh:

- + Căn cứ “Nêu” → - N1. Thân em ... non
- N2. Rắn nát ... son
- + Căn cứ “Làm” → Phân tích tác phẩm
→ - L1. Phân tích nội dung
- L2. Phân tích nghệ thuật

2. Lập dàn ý:

Chọn dàn ý 1

Dàn ý 1 Dàn ý 2

N1. ... L1. ...

L1. ... N1. ...

L2. ... N2. ...

N2. ... L2. ...

L1. ... N1. ...

L2. ... N2. ...

I. Phân tích 2 câu đầu

1. Về nội dung

- ... - ... - ...

2. Về nghệ thuật

- ... - ... - ...

II. Phân tích 2 câu sau

1. Về nội dung

- N ... - S ... - C ...

2. Về nghệ thuật.

- ... - ... - ...

7. BÀI TẬP LẬP DÀN Ý GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Lập dàn ý tổng quát các đề bài sau đây.

Đề 1. Sự thành công là kết quả của 3 yếu tố: tài năng, sự làm việc, sự may mắn. Em hiểu vấn đề ấy thế nào?

Đề 2.

“Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”.
Em hãy làm sáng tỏ câu tục ngữ trên.

Đề 3. Bình luận câu tục ngữ: “Lá lành đùm lá rách”.

Đề 4. Phân tích thói: “Ăn bẩn” của Huyện Hình trong tác phẩm “Đồng hào có ma” của Nguyễn Công Hoan.

Đề 5.

“Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.

Hãy phân tích bài ca dao trên và phát biểu cảm nghĩ của em về phẩm chất con người.

8. CÁCH KẾT THÚC VẤN ĐỀ

Kết thúc vấn đề là phần cuối có độ dài bằng 1-2/10 bài nghị luận, mục đích để người đọc nhớ kỹ, tán thành ý kiến của người viết. Chỉ đọc qua phần này, người chấm có thể biết được lập trường của người viết.

Cách làm kết thúc vấn đề cũng có 3 ý như đặt vấn đề, trước hết ta phải biết khẳng định vấn đề đã giải quyết, nghĩa là tóm tắt ý kiến của mình về vấn đề rồi rút ra bài học gì ở vấn đề, sau cùng đề ra sự phấn đấu của bản thân thực hiện vấn đề.

Như vậy ta rút ra quy tắc:

KTVD → TÓM - RÚT - PHẦN ⑨

+ TÓM: là tóm tắt khẳng định vấn đề, chốt lại vấn đề đã đưa ở phần đặt vấn đề. Có như vậy bài văn nghị luận

mới hoàn chỉnh khép kín một cách có nghệ thuật, tạo được ấn tượng đậm nét. Có hai hình thức tóm:

- Nhắc lại trọng tâm vấn đề đã nêu ở ý. Đưa vấn đề phần đặt vấn đề bằng lời khác nhưng vẫn cùng ý.
- Trích dẫn câu tục ngữ hay danh ngôn có ý tưởng giống hay liên quan tới trọng tâm vấn đề.

++ RÚT: là rút ra bài học sâu sắc từ vấn đề đã giải quyết. Ta có thể rút ra bài học bằng cách tán thành, phản đối, bổ sung, tùy theo nội dung của đề bài.

- Tán thành: Áp dụng khi vấn đề là câu ca dao, tục ngữ, tư tưởng có nội dung ai cũng công nhận là đúng.
- Phản đối: Áp dụng khi đề bài nêu một tư tưởng tuy đúng với sự thật trong đời sống nhưng lại trái với đạo lý.

Ví dụ: “Hòn bác ném đi, hòn chì ném lại”

- Bổ sung: Áp dụng khi đề bài nêu một tư tưởng chính đáng nhưng chưa được đầy đủ hoàn toàn, cần bổ sung thêm.

Ví dụ: Ở đời cái gì cũng phải học

→ Bổ sung thêm phương pháp học tập

+++ PHẢN: là phản đấu thực hiện vấn đề, có nghĩa là liên hệ mình phải làm gì để biến thành hành động một cách chân thành.

9. MINH HỌA KẾT THÚC VẤN ĐỀ

Đề bài

Giải thích câu nói sau đây của Voltaire:

“Việc làm xua đuổi nơi ta 3 mối họa: buồn nản, thói hư và cùng túng”.

Kết thúc vấn đề

- + Tóm lại, ta thấy con người nào gặp 3 mối họa: buồn nản, mắc các thói hư hay đói nghèo đều bắt nguồn từ lười lao động.
- ++ Như vậy, chúng ta phải chống lại thói ăn không ngồi rồi và phải sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao phó.
- +++ Nơi nhà trường, em luôn tích cực học tập, ngoài xã hội, em góp phần tích cực, ra sức làm việc, ngay cả trong gia đình, lúc rảnh em phụ giúp cha mẹ việc nhỏ như quét nhà, rửa chén.

Nhận xét: + Tóm: Lời khác cùng ý ++ Rút: Tán thành.

Đề bài 2

Nguyễn Trãi khuyên ta nên học trong sách vở. Cao Bá Quát lại khuyên ta nên đi xa mà học. Em tán thành cách nào?

Kết thúc vấn đề

- + Ngày xưa vì điều kiện giao thông không tiện lợi nên ta phải dựa vào sách vở là căn bản cho sự học. Ngày nay phương tiện giao thông dễ dàng thì học hỏi bằng cách đi xa là điều rất tốt. Hai lời khuyên trên là đúng.
- ++ Sách vở đã phát hành đủ loại, nhưng không phải đều tốt cả, ta phải loại bỏ sách văn hóa đồi trụy. Giao thông cũng rất thuận tiện, ta phải biết tận dụng mở rộng hiểu biết của mình bằng cách đi du lịch.
- +++ Ở lớp em chú trọng vào sách vở, vào lời giảng dạy của thầy cô. Khi có cơ hội, phương tiện em cũng đi đây đó. Có như thế sự học của em mới thật trọn vẹn.

NHẬN XÉT

- + Tóm: Lời khác cùng ý

++ Rút: Dung hòa, bổ sung

Đề bài 3

Giải thích câu tục ngữ: “Có chí thì nên”.

Kết thúc văn đề

- + Ta thấy cố gắng và kiên nhẫn là hai yếu tố quan trọng giúp ta đi đến thành công.
- ++ Ta nên nhớ rằng cố gắng, nhẫn nại thôi chưa đủ mà muốn thành công còn phải có tài năng, có óc tổ chức và gặp thời vận nữa thì mới đi đến mục đích cuối cùng.
- +++ Em cần phải rèn luyện tài năng trước đã, bằng cách ra sức học tập, chấp hành tốt: khi học tập nói là gieo, nghe là gặt. Nên để miệng nghỉ yên nhiều hơn cặp mắt và lỗ tai.

NHẬN XÉT

+ Tóm: Khẳng định, nói cách khác cùng ý với câu tục ngữ

++ Rút: Bổ sung, bổ khuyết

Đề bài 4

Giải thích câu tục ngữ: “Yêu nên tốt, ghét nên xấu”.

Kết thúc văn đề

- + Vậy, chúng ta chớ nên mù quáng, say sưa mà để tình cảm lẫn át lý trí đưa đến sai lầm tai hại để dẫn tới: “Yêu nên tốt, ghét nên xấu”.
- ++ Chúng ta đừng vội yêu người ta yêu và cũng đừng vội ghét người ta ghét. Ta phải cân nhắc cẩn thận trước khi quyết định yêu hay ghét.
- +++ Em phải có lòng yêu thương và khoan dung vì sự ghét dễ làm ta nên nhỏ nhen. Phải biết đem đại nghĩa thắng hung tàn. Lấy ân báo oán thì oán sẽ tiêu tan.

NHẬN XÉT

+ Tóm: Khẳng định vấn đề trái với đạo lý thông minh.

++ Rút: Phản đối với tư tưởng có thật trong đời sống.

10. BÀI TẬP CÁCH KẾT THÚC VẤN ĐỀ

1. Nhận xét về cách kết thúc vấn đề của các đề bài sau bằng cách (+ Tóm, + ++Rút)

Đề bài 1

Giải thích câu tục ngữ: “Thua thầy một vạn không bằng thua bạn một ly”.

Kết thúc vấn đề

+ Câu tục ngữ trên muốn đề nghị cho chúng ta một bài học phải có chí thi đua và tinh thần khiêm tốn. Trong cuộc sống học sinh, hai đức tính này có vẻ mâu thuẫn nhau, nhưng cần thiết phải gắn liền với nhau.

++ Nói cách khác, nếu khiêm tốn ta dễ chấp nhận sự thua kém đối với thầy dạy, nhưng nếu cố gắng ganh đua, chúng ta không thể bằng lòng thua kém bạn. Đó là bí quyết để tiến bộ nhanh trên con đường học tập.

Đề bài 2

Bình luận câu tục ngữ:

“Hòn bác ném đi, hòn chì ném lại”.

Kết thúc vấn đề

+ Tóm lại: chúng ta xác nhận: “Có đi có lại mới toại lòng nhau”. Chúng ta tán đồng: “Hòn bác ném đi, hòn chì ném lại” nhưng mục đích của mọi cuộc giao tế lâu dài ta phải xây dựng đoàn kết, hòa đồng, bình đẳng, không thể là cầu mong kiếm chác lợi lộc.

++ Những phương tiện vật chất đổi chác ấy có thể đưa đến ơn nghĩa, nhưng không thể coi đó là tất cả, là mục đích duy nhất trong cuộc giao tế ở đời.

2. Viết phần kết thúc vấn đề các đề bài sau đây và cho biết cách (+ Tóm và ++ Rút).

Đề bài 1

Bình luận câu tục ngữ: “Có tiền mua tiên cũng được”.

Đề bài 2

“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

(Ca dao cổ)

Phân tích bài ca dao trên.

Đề bài 3

Ngày trước, trong xử thế, có người cho rằng: “Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau”.

Em hãy giải thích ý nghĩa câu nói đó. Em có tán thành cách xử thế đó không?

11. QUY TRÌNH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Làm được bài văn nghị luận hoàn chỉnh rất công phu và khó nhọc. Thấy đề học sinh làm bài ở nhà thì ít khi cả lớp nộp đủ, thường nộp bài làm trễ. Nếu phải làm tại lớp hoặc ở phòng thi thì có em làm nháp cho ra được ý thì hết giờ làm bài phải viết vội cho kịp giờ. Có em lại không làm nháp, chỉ có dàn ý sơ lược và chép ngay vào giấy nộp, thế nên có khi lại dư giờ hoặc có sai sót muốn viết lại thì không còn giờ nữa. Vậy muốn làm bài văn nghị luận tốt không những phải suy nghĩ nhiều cho ra ý mà còn phải biết làm bài theo một quy trình hợp lý có 3 bước là:

1. Tìm hiểu đề bài
2. Lập dàn ý và tìm ý làm nháp: $\frac{1}{2}$ thời gian làm bài.
3. Viết vào giấy nộp : $\frac{1}{2}$ thời gian làm bài.

Bước một: TÌM HIỂU ĐỀ BÀI

Đọc kỹ đề bài 3, 4 lần, gạch dưới từ ngữ quan trọng, chú ý các dấu câu, xếp ý các phần “Nêu” và phần “Làm”. Sau đó ta lần lượt tìm hiểu, ghi nháp:

1. Kiểu đề bài: Có thể bài ghi rõ như chứng minh, giải thích, bình luận, phân tích tác phẩm, phân tích nhân vật hoặc tổng hợp. Nếu đề bài không ghi rõ kiểu bài thì ta căn cứ ở từ ngữ cùng ý. Ví dụ: phần “Làm” bảo ta làm “... sáng tỏ” = chứng minh; “... hiểu thế nào” = giải thích; “... có đồng ý không” = bình luận. Có tìm kiểu bài như vậy sẽ tránh được làm sai thể loại.

Một lần chấm thi tuyển sinh vào lớp 10. Đề bài bảo chứng minh thơ ca của Bác Hồ thể hiện tinh thần lạc quan cách mạng yêu thiên nhiên và nghị lực phi thường. Một thí sinh đã viết sang kiểu bài viết thư. Cô giáo cho điểm 2. Tôi đã phát hiện thí sinh này có năng khiếu giỏi văn, em chỉ làm sai kiểu bài vì lập dị mà thôi. Nội dung bài làm của em rất tốt, vẫn đáp ứng được yêu cầu chứng minh bằng văn thơ, bài sáng sủa, sạch đẹp, lời lẽ lưu loát; mặc dù đó là viết thư cho bạn, thông tin về cuộc thi hái hoa dân chủ. Tôi cho điểm 9. Hội đồng phải chấm chung, chia làm hai phe và kết quả quyết định điểm của em là tổng điểm của hai giám khảo chia đôi.

2. Tìm trọng tâm vấn đề: Nếu không tìm ra vấn đề thì sẽ lạc đề hoặc xa đề. Ta căn cứ vào phần “Nêu” mà tìm ra vấn đề. Vấn đề thường được thể hiện ở 3 dạng sau:
 - Vấn đề nổi: ý tưởng rõ ràng không có hàm ý, bóng bẩy, ẩn dụ. Ví dụ: Giải thích câu: Thanh niên phải biết ước mơ và hành động.

- Vấn đề chìm: thường ở phần “Nêu” là câu ca dao, tục ngữ có hình ảnh ẩn chứa ý bóng bẩy, ẩn dụ, ta phải hiểu sang nghĩa bóng. Ví dụ:

“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”: Biết ơn người cho hưởng thành quả lao động.

“Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

→ Đoàn kết làm được việc lớn.

- Quan hệ giữa các vế câu: cần phải để ý về mối quan hệ giữa các vế câu, đó mới là trọng tâm của vấn đề. Có nhìn nhận được mối quan hệ này thì mới có giá trị cao.

Ví dụ: Em hiểu thế nào về câu: “Chữ tài liền với chữ tai một vần”.

Để ý đến vế câu:

- chữ tài ... liền ... - chữ tai

(Ví dụ dẫn chứng: “Gỗ tốt cưa làm ván = Chim cu không gáy để lại thịt”.

Xem ra hai vế của câu có vẻ nghịch lý, song lại gắn liền với nhau vì có tài thường có kẻ ghen, ngay thẳng thì bị dè nén sinh ra tai họa. Thế nên chỉ có giải quyết vấn đề bằng đạo đức thì chữ tâm mới khỏi lụy mà thôi.

Ví dụ 2: Bác Hồ khuyên học sinh: “Có tài mà không có đức thì vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”.

Có để ý đến hai vế câu, ta mới thấy vấn đề trọng tâm là tài và đức có mối quan hệ gắn bó, không tách riêng được. Khi làm bài cần phải xoáy vào trọng tâm này.

3. Tìm các khía cạnh của đề bài: Như đã trình bày ở quy tắc

⑧ (Cách lập dàn ý giải quyết vấn đề). Có tìm được các

khía cạnh ở phần “Nêu” và phần “Làm” của đề bài ta mới có thể lập được dàn ý tổng quát và chi tiết phần giải quyết vấn đề.

Tóm lại, tìm hiểu đề bài, ta làm nhanh và ghi vắn tắt 3 điểm cụ thể trên để giành nhiều thì giờ cho bước 2 là lập dàn ý và tìm ý.

Bước 2: LẬP DÀN Ý

Đây là bước quan trọng nhất cần phải đầu tư suy nghĩ nhiều, tìm ra nhiều ý để đáp ứng nhu cầu của đề bài. Có dàn ý với những ý chi tiết thì bước 3 hành văn mới tốt. Lập được dàn ý tổng quát ví như kỹ sư vẽ được họa đồ xây một căn nhà. Lập được dàn ý chi tiết ví như đã tìm được vật liệu xây nhà. Khi bắt tay xây dựng với các vật liệu (viết vào giấy nộp bài). Vậy là xây được căn nhà tốt phải có vật liệu tốt. Làm được bài văn nghị luận tốt phải lập được dàn ý chi tiết cho tốt.

Căn cứ các khía cạnh đã tìm được ở bước 1, ta lấy khía cạnh của phần “Nêu” làm ý lớn thì khía cạnh của phần “Làm” làm ý nhỏ và ngược lại, ta sẽ có hai dàn ý tổng quát. Xem dàn ý nào hợp lý ta chọn rồi từ đó lập dàn ý có đề mục để khoảng trống để tìm ý điền vào.

Nên làm dàn ý giải quyết vấn đề trước, làm dàn ý đặt vấn đề và kết thúc vấn đề sau. Vì làm được giải quyết vấn đề thì làm dàn ý đặt vấn đề và kết thúc vấn đề sẽ dễ dàng hơn, vì hai dàn ý này cũng đã có sẵn dàn ý theo quy tắc ⑤ và ⑨ (Xem lại hai quy tắc đã trình bày trước). Làm dàn ý chi tiết xong, nghĩa là làm nháp xong, nếu chưa hết $\frac{1}{2}$ thời hạn làm bài, ta nên suy nghĩ bổ sung thêm nữa các ý cho đầy đủ vì chính lúc này ý tưởng hay mới lộ diện. Nếu $\frac{1}{2}$ thời hạn làm bài đã hết thì bắt đầu viết bài để nộp cho kịp giờ.

Bước 3: VIẾT VÀO GIẤY NỘP

Đây là lúc hành văn. Muốn hành văn được văn vẻ, trôi chảy, lưu loát, thì ta cần làm sao cho tinh thần được sáng khoải, thư giãn sau $\frac{1}{2}$ thời gian đã phải căng thẳng động não ở bước 1 và 2. Ta có thể vận động cho máu lưu thông, nhấm nháp chút kẹo hay thả hồn vào cảnh quan môi trường đẹp. Vì nếu cứ tiếp tục ngay hành văn sẽ không tránh khỏi sinh mệt mỏi, sinh ra lời cộc cằn thô lỗ, bất lợi.

Khi tâm hồn thoải mái, ta nhìn vào dàn ý chi tiết (giấy nháp) hành văn lần lượt 3 phần bài. Viết câu nào chắc câu đó. Ta cứ chậm chạp vừa viết vừa suy nghĩ thêm vì lúc này ý tưởng lại tuôn trào. Đừng vội vã hấp tấp vì thời gian viết bài còn $\frac{1}{2}$ thời hạn kia mà! Thường nếu làm nháp tốt thì sẽ vững tin và phần khởi nên có cảm hứng viết bài với lời văn hay, ý phong phú thêm.

Nhớ viết câu nào chắc câu đó. Dùng dấu chấm, phẩy cho rõ ràng. Hết một loạt ý tưởng là một đoạn văn, sang ý tưởng khác, đoạn khác phải xuống hàng lùi sang phải 3 ô → khoảng 2 cm cho bài sáng sủa, sạch đẹp.

Cố gắng tránh phải bôi bỏ dòng chữ nào vì như thế sẽ làm mất cảm tình người chấm bài. Nếu phải bôi bỏ chữ nào, dòng nào thì chỉ nên gạch một gạch lờ mờ từng chữ một. Đừng tô đậm nhiều gạch sẽ gây ấn tượng xấu. Chép vào giấy nộp làm sao còn 5 – 10 phút cuối để đọc lại toàn bài sửa các dấu câu dấu chữ cho đúng.

12. MINH HỌA LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN (BA BƯỚC)

Đề bài

Một trong 5 điều Bác Hồ dạy thiếu nhi là “Học tập tốt, lao động tốt”. Em hiểu lời dạy trên thế nào? Phát biểu về trách nhiệm của em về học tập và lao động trong hoàn cảnh hiện nay.

Bước 1: Tìm hiểu đề bài:

1. Kiểu đề bài: - "... hiểu ... thế nào" = Giải thích + phát biểu cảm tưởng ⇒ Giải thích "N.S.C" + phát biểu ...
2. Trọng tâm vấn đề: Học tập, lao động phải tốt và có mối quan hệ.
3. Tìm các khía cạnh:
4. + Căn cứ "Nêu" - N1. - học tập tốt
- N2. - lao động tốt
+ Căn cứ "Làm" - L1. - giải thích
- L2. - phát biểu về trách nhiệm...

Bước 2: Lập dàn ý và tìm ý:

Dàn ý 1	Dàn ý 2	
N1. Học tập tốt	N1. Giải thích	
L1.	N2.	
L2.	L2. Phát biểu	
N2. Lao động tốt	N1.	
L1.	N2.	I.
L2.		

Dàn ý 2

N1. Giải thích

N2.

L2. Phát biểu

EN1.

N2.

Chọn dần ý 2 hợp lý hơn

I. Giải thích:

1. Nào: Thế nào là học tập tốt?

416 FRI

2. Sao: Tại sao phải học tập tốt?

— 22 —

3. Thế nào là lao động tốt?

4. Tại sao phải lao động tốt?

II. Phát biểu về trách nhiệm:

1. Học tập tốt:

2. Lao động tốt:

DÀN Ý CHI TIẾT

Giải quyết vấn đề

I. Giải thích:

1. Thế nào là học tập tốt?

- Tiếp thu những kinh nghiệm của người khác
- Chăm chỉ, chuyên cần
- Không học vẹt, học tủ
- Học phải đi đôi với hành
- Học để lao động
- Kính mến thầy cô
-

2. Tại sao phải học tập tốt?

- Để cha mẹ, ông bà vui lòng
- Được mọi người quý mến
- Để khi khôn lớn có sự nghiệp nuôi thân và gia đình
- Nhất là để có nhiều tri thức, kiến thức văn hóa, đủ năng lực tiếp thu khoa học kỹ thuật, áp dụng vào lao động sản xuất. Sản xuất ra nhiều của cải, lương thực.

→ Học tốt là cơ sở xác định tương lai.

3. Thế nào là lao động tốt?

- Việc làm có ý thức phục vụ tốt cho xã hội.
- Việc làm có kỹ thuật, có kỷ luật, có năng suất cao.

4. Tại sao phải lao động tốt?

- Vì tạo ra của cải, lương thực
- Vì tạo ra những giá trị tinh thần. Dẫn chứng ...
- Nó là phương tiện rèn thể lực, đạo đức
- Biết quý trọng của cải làm ra
- Nguyên nhân của sáng tạo
- Xã hội được tồn tại

III. Phát biểu về trách nhiệm: (áp dụng quy trình “Do - Ý - Thực”)

* Do đâu Bác dạy phải học tập tốt, lao động tốt?

- Học tập và lao động là hai phẩm chất quý báu để con người tồn tại và phát triển.
- Học tập và lao động vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi.
- Sống làm người phải biết học tập và lao động.
- Học tập phải gắn liền với lao động. Học để lao động, không phải học để xa rời lao động.

* Ý nghĩa của lao động và học tập:

- Bác dạy bài học sâu sắc về học tập và lao động
- Hiểu được giá trị của học tập và lao động thì con người mới ra sức làm việc, trở nên hữu dụng.

* Thực hành của bản thân:

- Tại trường: em cố gắng học tập.
- Khi khôn lớn: em lao động tùy theo văn hóa, năng lực và mục đích chính là làm ra của cải vật chất nuôi sống bản thân và gia đình, không ăn bám.

Đặt vấn đề

+ Gợi: Áp dụng lời định nghĩa học tập và lao động.

++ Đưa: Trích y “... ..”

+++ Báo: Giải thích + phát biểu về ...

Kết thúc vấn đề

+ Tóm: Khẳng định lời dạy đúng

++ Rút: Sống có ý nghĩa phải học tập và lao động

- +++ Phần: - Lúc còn nhỏ phải ra sức học tập.
- Khi trưởng thành phải ra sức lao động.

Bước 3: Viết vào giấy nộm:

Nhìn vào dàn ý chi tiết trên, ta lần lượt hành văn phần đặt vấn đề, kết thúc vấn đề.

PHẦN III

LÝ THUYẾT VỀ KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN:

**CHỨNG MINH
GIẢI THÍCH
BÌNH LUẬN
PHÂN TÍCH NHÂN VẬT
PHÂN TÍCH TÁC PHẨM**

NGHỊ LUẬN CHỨNG MINH

1. CHỨNG MINH MỘT VẤN ĐỀ LÀ GÌ?

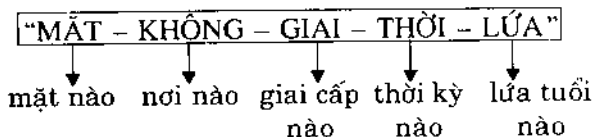
Là phương pháp lập luận chủ yếu dùng nhiều dẫn chứng xác thực để làm sáng tỏ và xác nhận vấn đề là đúng.

Ví dụ chứng minh trò A học tập giỏi.

Muốn thuyết phục trò A học tập giỏi là đúng cần phải dùng các dẫn chứng xác thực về số liệu, sự kiện, nhân chứng...

2. NHỮNG ĐIỀU CẦN NHỚ KHI LÀM NGHỊ LUẬN CHỨNG MINH

1. Muốn tìm ra dẫn chứng và dàn ý để chứng minh ta áp dụng qui tắc ④



2. Phải dùng nhiều dẫn chứng, đôi khi có giải thích bằng lý lẽ nhưng ít. Dẫn chứng và lý lẽ phải sát hợp với ý cơ bản ở đầu đoạn văn.
3. Phần "Làm" của đề bài có cụm từ "... làm sáng tỏ ...", đó cũng là kiểu bài nghị luận chứng minh.

4. Nên trình bày dẫn chứng có phân tích từng dẫn chứng.

3. ĐỀ BÀI MINH HỌA

Đề bài 1

Chứng minh câu tục ngữ:

“Có công mài sắt, có ngày nên kim”.

Bài làm

(1) + gợi ý
lối xuất xứ

++ Đưa:
trích y
“nêu”

Tục ngữ là dòng văn học dân gian truyền miệng. Ai thuộc nhiều câu tục ngữ ví như có một túi khôn. Chúng ta cũng hiểu rằng muốn thành công phải luôn có sự kiên nhẫn, vì thế để nhắc nhở về sự kiên nhẫn, nhân dân ta đã có câu: “ Có công mài sắt, có ngày nên kim”. (1)

(2) Báo: chứng
minh 3 mặt rõ
ràng

Chúng ta sẽ chứng minh có kiên nhẫn, kiên trì vượt khó thì sẽ thành công trong các lĩnh vực chiến đấu, lao động và học tập. (2)

(3) Cần giải thích
thêm, vì vấn đề
có ý ẩn dụ

Nếu kiên nhẫn mài hoài một miếng sắt thì sẽ có ngày chúng ta có được một cây kim, nghĩa đen là thế. Nhưng ý nghĩa câu tục ngữ này không dừng ở đó. Tuy câu tục ngữ ngắn, cô đọng nhưng lại bao hàm một lời khuyên sâu sắc hết sức cần thiết về lòng kiên trì vượt khó thì chắc có ngày thành công. (3)

(4) Mở đoạn,
nêu ý cơ bản về
mặt chiến đấu

Trong chiến đấu (4), nhân dân ta đã phải kiên trì đau khổ chống giặc ngoại xâm, đổ biết bao xương máu từ

xưa đến nay mới giành được độc lập. Giờ những trang lịch sử hào hùng của dân tộc, ta thấy nhân dân ta đấu tranh thật kiên trì và thắng lợi thật vẻ vang.

(5) (6) Phát triển đoạn là những dẫn chứng xác thực phù hợp với ý cơ bản

Nào là 30 năm kháng chiến chống giặc Minh của vua Lê Lợi ở Lam Sơn. Nguyễn Trãi, quân sư của vua Lê đã viết bài “Cáo bình Ngô”, thông báo sự thắng lợi vẻ vang của nhân dân ta. (5)

Nào là 30 năm chống thực dân Pháp với chiến dịch Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, chấm dứt chế độ thực dân; rồi tiếp theo với chiến dịch tổng tấn công và nổi dậy vào mùa xuân 1975, đánh dấu cho Mỹ cút, Ngụy nhào, thống nhất hai miền Nam Bắc Việt Nam sau nhiều năm bị chia cắt. (6)

(7) Sơ kết đoạn

Như vậy, qua các giai đoạn chiến đấu chống giặc xâm lược, nhân dân ta đã kiên trì chịu gian khổ, quyết chiến và đã chiến thắng thật vẻ vang. (7)

(8) Vừa chuyển đoạn vừa nêu ý cơ bản về mặt lao động

Không những trong chiến đấu, mà cả trong lao động muốn thành công cũng cần phải kiên nhẫn mới đạt được thắng lợi cao. (8)

(9) (10) Phát triển đoạn bằng dẫn chứng xác thực, phù hợp với ý cơ bản mặt lao động

Thành Cổ Loa còn tồn tại từ xưa đến nay là do công sức lao động của nhân dân liên tục từng thế hệ phải tu sửa. Cha ông ta xưa đắp đê ngăn lụt lội. Kế tục các thế hệ phải ra sức tu bổ đến nay mới tránh được khổ-nạn vỡ đê. (9)

Các công trình như những thành phố, nhà máy thủy điện Sông Đà, Trị An, đường dây điện 500 kV Bắc Nam, cầu Mỹ Thuận ... không phải một sớm một chiều bỗng dưng có được mà phải có hàng ngàn công nhân, kỹ sư với một thời gian nhiều năm ra sức lao động mới có được như hôm nay. (10)

(11) Sơ kết đoạn

Quả thật, sự kiên nhẫn trong lao động đã làm nên các công trình to lớn hữu ích cho toàn dân. Vì thế xem ra sự kiên nhẫn là một yếu tố quan trọng và cần thiết không thể thiếu được trong việc làm. (11)

(12) Ý cơ bản để chứng minh về học tập

Sự kiên nhẫn cũng là điều kiện quan trọng giúp ta đạt được thành quả trong học tập. (12)

Dẫn chứng xác hợp với ý cơ bản theo thời gian xưa - nay

Xưa, nhờ sự kiên nhẫn học tập, Mạc Đĩnh Chi đã đỗ trạng nguyên. Nhà nghèo, thiếu điều kiện học tập, sau buổi chăn trâu, ông thường đứng ngoài cửa lớp để học lóm. Không có bút viết, ông dùng que củi viết xuống đất.

Ngày nay, ta thấy có Nguyễn Ngọc Ký, bị tật nguyền, ông tập viết bằng chân vì tay bị liệt. Không nản lòng vì bệnh tật, ông vẫn ra sức học tập, thật đáng khâm phục.

(13) + Tóm: nói khác cùng ý với vấn đề

Tóm lại, sự kiên nhẫn rất cần thiết trong các mặt: chiến đấu, lao động, học tập. Cũng giống như câu: "Không có sự thành công nào mà không đổ mồ hôi; Hoa hồng nào cũng có gai". (13)

(14) ++ Rút: bổ sung thêm { Tuy vậy, sự thành công đôi khi cũng còn nhờ ở sự may mắn, thiên thời, địa lợi nhân hòa nữa. Nhưng sự thành công vẫn phải do quyết định của sự kiên nhẫn và tài năng. (14)

(15) +++ Phấn: bản thân thực hiện { Là học sinh, em phải kiên nhẫn học tập, không nản lòng khi bị yếu kém, em phải luôn luôn vươn lên để tiến bộ. (15)

Đề bài 2

Bàn về giá trị của ca dao có người đã nhận định: “Ca dao là tiếng nói về gia đình đầm ấm thiết tha”. Em hãy làm sáng tỏ nhận định đó.

Bài làm

I. Đặt vấn đề { Bàn về giá trị của ca dao có người trực tiếp không đã nhận định: “Ca dao là tiếng nói về gia đình đầm ấm thiết tha”. Vàng, nó đã có gợi ý nói lên tình cảm của ông bà, cha mẹ, vợ *** Báo: 4 mặt ... để chứng chồng, anh em trong gia đình sống hòa minh → gọn, rõ thuận với nhau. Chúng ta hãy cùng nhau rành. làm sáng tỏ nhận định trên. (1)

II. Giải quyết vấn đề: { Ca dao là khúc ca ngắn, thuộc dòng Giải thích sơ bài ca dao mà em đã học ở lớp 7, lớp 8 qua về ca dao thường chứa đựng tình cảm gia đình đầm ấm thiết tha.

Dẫn dắt giới thiệu dẫn chứng { Trước hết là ca dao chứa đựng tình (1) ý cơ bản (a) cảm đối với ông bà: Ông bà là người thay thế cha mẹ nuôi dưỡng, dạy các con cháu nên người, lỡ khi ông bà mất đi thì con cháu thương tiếc vô cùng:

“Ngó lên nuốt lạt mái nhà
Bao nhiêu nuốt lạt nhớ ông bà bấy nhiêu”

Phân tích dẫn chứng trên { Ở đây, phương pháp so sánh được sử dụng chính xác đã thể hiện rõ nét sự nhớ thương ông bà vô hạn.

Dẫn dắt giới thiệu { Ngoài ra, công lao dưỡng dục, sinh thành của cha mẹ còn to lớn hơn cả, nhiều ca dao thường nhắc đến đề tài này, nhưng tiêu biểu

Dẫn chứng là:

(2) hướng dẫn ý cơ bản (b) { “Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”.

Phân tích xen dẫn chứng { Công cha được ví như núi Thái Sơn nghĩa là hình bóng người cha vững vàng cho con noi theo. Còn mẹ thì được ví như nước trong nguồn chảy ra nghĩa là tình cảm của mẹ dành cho con mãi dâng trào, thiết tha. Qua đó làm con phải có hiếu, kính trọng và phụng dưỡng cha mẹ:

“Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

Dẫn dắt, giới thiệu dẫn chứng (3) và phân tích ý cơ bản (c) { Tình vợ chồng trong ca dao cũng khá phong phú, nó như tấm gương để mọi người noi theo:

“Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon”.

Cho dù cuộc sống có nghèo hèn đến đâu đi nữa nhưng vợ chồng biết sống hòa thuận, yêu thương nhau thì gia đình sẽ được hạnh phúc.

Ý cơ bản (d) { Đối với tình cảm anh em trong gia đình thì hiện nay cũng khá phức tạp và không còn như xưa, không còn những:

Chứng minh
bằng cách
dựng đoạn
như các ý cơ
bản trên

“Anh em như thể tay chân
Rách lành đùm bọc đỡ hay đỡ đần”.
“Anh em hòa thuận hai thân vui vầy”...

Vâng, tuy xã hội ngày nay như vậy,
nhưng chúng ta cũng nên cố gắng giữ lại
những nét đẹp gia đình để anh em hòa
thuận, yêu thương, khi gặp hoạn nạn thì
có nhau, cùng chia sẻ niềm vui, nỗi buồn.

Những cô gái lấy chồng hoặc làm
ăn xa, với nỗi nhớ gia đình da diết, không
dâu bằng nhà mình rồi cứ mỗi ngày:

“Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Nhớ về quê mẹ ruột đau chín chiều”.

Qua những câu ca dao trên đây, tất
cả đều nói lên tình cảm gia đình đầm thắm
thiết tha. Có như vậy là tốt nhất để bảo
đảm hạnh phúc gia đình.

III. Kết thúc vấn đề
+ Tóm: khẳng định vấn đề đúng
Nói tóm lại, ca dao là tiếng nói về
gia đình đầm thắm thiết tha, đúng như
lời nhận định trên. Ca dao dạy cho ta biết
thế nào để sống tốt và trở thành người có
ích cho gia đình và xã hội.

++ Rút: ý nghĩa
của ca dao
+++ Phấn: liên
hệ bản thân
Riêng em, em phải thường xuyên
củng cố những quan hệ trong gia đình,
biết kính trên nhường dưới, tạo sự hòa
thuận trong gia đình để gia đình có được
sự ấm no và hạnh phúc.

NGHỊ LUẬN GIẢI THÍCH

1. GIẢI THÍCH LÀ GÌ?

Giải thích một vấn đề là phương pháp lập luận chủ yếu dùng lý lẽ để giảng giải giúp người đọc, người nghe hiểu đúng, hiểu rõ vấn đề, từ đó học có hành động đúng.

Ví dụ: Ông A là một công chức bình thường, ông đã xây dựng được ngôi nhà lớn. Ông phải giải thích vấn đề đó. Đầu tiên ông phải giải thích bằng cách trả lời đã xây ngôi nhà đó thế nào đó mới là cất nhà. Lý lẽ cốt lõi để giải thích là trả lời tại sao ông xây dựng được ngôi nhà đó. Từ những lý lẽ này người ta sẽ hiểu rõ, hiểu đúng vấn đề là ông có tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa hay không để xử lý đúng.

Bài văn nghị luận giải thích phải dùng nhiều lý lẽ, nhưng để lý lẽ có cơ sở vững chắc, thuyết phục thì cần có dẫn chứng cụ thể. Lý lẽ cần phải chính xác, phù hợp với yêu cầu giải thích.

2. NHỮNG ĐIỀU CẦN NHỚ KHI LÀM NGHỊ LUẬN GIẢI THÍCH

2.1. Muốn tìm được nhiều lý lẽ để giải thích, ta áp dụng quy tắc 5W + H. Tuy vậy, cần phải biết chọn lọc câu hỏi nào để đáp ứng nhu cầu của đề bài. Thông dụng nhất, bài giải thích phần giải quyết vấn đề có 3 phần tương ứng với qui tắc NÀO – SAO – CẢM → “N-S-C”.

2.2. Về dựng đoạn: Các lý lẽ ở phát triển đoạn đều phải hướng về ý cơ bản. Các ý cơ bản của mỗi đoạn cũng đều hướng về trọng tâm vấn đề. Các câu phải có sự liên kết, giữa các đoạn phải có từ ngữ hay câu chuyển ý cho bài văn mạch lạc.

3. ĐỀ BÀI MINH HỌA

Đề bài 1

Tục ngữ có câu: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Em hãy giải thích.

Bước 1: Tìm hiểu đề bài:

a) Kiểu bài: Giải thích - lý lẽ nhiều

- Qui tắc “NÀO – SAO – CẢM”

b) Trọng tâm vấn đề:

- Vấn đề chìm – nghĩa bóng: phải biết ơn, đền đáp người tạo thành quả cho mình hưởng.

c) Khía cạnh của đề bài:

+ Căn cứ phần “Nêu”

- N1. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

+ Căn cứ phần “Làm” giải thích: “NÀO – SAO – CẢM”

- L1. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

- L2. Tại sao ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây?

- L3. Cảm xúc suy nghĩ về ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Bước 2: Lập dàn ý và tìm ý:

Dàn ý 1 Dàn ý 2

Chọn dàn ý 2

N1. ... L1. ...

L1. ... N1. ...

L2. ... L2. ...

L3. ... N1. ...

L3. ...

N1. ...

I. N: Thế nào là ăn quả nhớ kẻ trồng cây?

- ... - ...

II. S: Tại sao ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây?

- ... - ...

III. C: Cảm xúc suy nghĩ về ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

DÀN Ý CHI TIẾT

A. Giải quyết vấn đề

I. Thế nào là ăn quả nhớ kẻ trồng cây?

+ Ăn quả:

- Ăn trái cây bồi dưỡng cơ thể
- Sử dụng thành quả lao động
- Thừa hưởng thành quả về vật chất và tinh thần của xã hội (văn hóa, chính trị, kinh tế, công trình ...).

+ Trồng cây:

- Người gieo hạt giống, vun trồng, chăm sóc, làm ra hoa quả.
- Người góp công sức, hy sinh cho sự nghiệp giữ nước, dựng nước như các anh hùng liệt sĩ.
- Người có công lớn xây dựng các công trình về vật chất, tinh thần cho đất nước.

- + Ăn quả nhớ kẻ trồng cây: Tục ngữ khuyên ta phải biết trân trọng, ghi nhớ công ơn của người lao động, trồng cây và người tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần cho chúng ta hưởng.

II. Tại sao ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây?

- Người trồng cây phải đổ mồ hôi công sức, vất vả ... mới có quả, cây xanh tươi tốt. Dẫn chứng: người nông dân trồng lúa.
- Người trồng cây hiểu rõ mục đích việc trồng cây cho mình và người khác hưởng, nên ta phải trân trọng nhớ ơn.

Dẫn chứng: Người công dân và nông dân phải biết ơn nhau vì sản phẩm cần thiết trao đổi với nhau để tồn tại.

- Khi sử dụng, thừa hưởng thành quả ta phải nhớ đến người trồng, đó là hợp đạo lý lẽ phải ở đời.
- Ôn nghĩa, thủy chung, vay trả là phẩm chất tốt đẹp đã trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam.

III. Cảm xúc suy nghĩ về câu tục ngữ (áp dụng qui tắc 3 "DO – Ý – THỰC")

+ Do đâu mà có tục ngữ ấy?

- Tổ tiên ta phê phán những kẻ vô ơn bạc nghĩa.
- Tổ tiên ta nhắc nhở con cháu ghi ơn các anh hùng liệt sĩ của dân tộc.

+ Ý nghĩa của câu tục ngữ:

- Câu tục ngữ ngắn gọn, giàu hình ảnh, dễ thuộc, dễ nhớ, dễ giáo dục thế hệ trẻ.
- Ý của câu tục ngữ thiên về lý sâu sắc, bộc lộ được phẩm chất tốt đẹp về đặc tính ân nghĩa của dân tộc.
- Hiểu ý nghĩa của câu tục ngữ dẫn tới hành động đền ơn đáp nghĩa khiến tâm hồn được thư thái.

+ Thực hành về ăn quả nhớ kẻ trồng cây:

- Mọi người phải có hành động, thái độ biết ơn người trồng cây.
- Bảo vệ và phát huy thành quả của người trồng.
- Dẫn chứng: Trồng cây, gây rừng để xứng đáng thừa kế.
- Tiếp tục gieo hạt giống mới để truyền lại cho thế hệ sau.
- Tham gia tích cực các phong trào đền ơn đáp nghĩa các anh hùng liệt sĩ như thăm địa chỉ đỏ, các bà mẹ anh hùng, sửa sang, tu bổ mộ liệt sĩ, đóng góp cho việc xây dựng nhà tình nghĩa.

B. Đặt vấn đề

+ Gọi: (Chọn lối xuất xứ hay tương đồng...)

++ Đưa: Trích ý "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"

+++ Báo: Tìm hiểu ý nghĩa: thế nào, tại sao, suy nghĩ về câu tục ngữ.

C. Kết thúc vấn đề

- + Tóm: (Nói ý khác) Hưởng thành quả lao động của người khác, nhất là được sống trong độc lập của đất nước. Ta phải nhớ đến công ơn của các anh hùng liệt sĩ.
- ++ Rút: Quan tâm đến anh hùng liệt sĩ là nghĩa vụ của mỗi công dân.
- +++ Phấn: Em tích cực tham gia các phong trào mỗi khi chính quyền, trường em phát động việc chăm sóc thương binh liệt sĩ.

Bước 3: Viết vào giấy nộp:

Nhìn vào giấy nháp ở bước 2, ta hành văn như quy trình đã hướng dẫn ở trang trước.

Đề bài 2

Trong một buổi nói chuyện với học sinh, Bác Hồ có dạy: “Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”.

Em hãy giải thích lời nói trên.

Bước 1. Tìm hiểu đề:

- a) Kiểu bài: giải thích – lý lẽ nhiều
 - Qui tắc “NÀO – SAO – CẢM”
- b) Trọng tâm vấn đề:
 - Vấn đề nổi? Vấn đề chìm?
 - Vấn đề quan hệ giữa hai vế câu – quan hệ giữa tài và đức
- c) Khía cạnh của đề bài:
 - + Căn cứ “Nêu”
 - N1. Có tài ... vô dụng.
 - N2. Có đức ... khó.

+ Căn cứ “Làm” N.S.C

- L1.: NÀO ?

- L2.: SAO?

- L3.: CẢM?

Bước 2: Lập dàn ý và tìm ý:

Dàn ý 1 Dàn ý 2

N1. ... L1. ...

L1. ... N1. ...

L2. ... N2. ...

L3. ... L2. ...

N2. ... N1. ...

L1. ... N2. ...

L2. ... L2. ...

L3. ... N1. ...

N2. ...

L3. ...

N1. ...

N2. ...

Chọn dàn ý 2

I. N:

N1. Thế nào là “Có tài mà không có đức là người vô dụng”?

N2. Thế nào là “Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”?

III. C: Cảm xúc suy nghĩ

+ Do ... + Ý... + Thực...

DÀN Ý CHI TIẾT

A. Giải quyết vấn đề

I. N:

+ Có tài:

- Có nhiều kiến thức, kinh nghiệm, làm thành thạo một việc với hiệu quả cao.
- Sáng tạo, phát minh ra cái mới lạ.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ.
- Tài năng do rèn luyện mà có (khác năng khiếu)
- Khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

+ Có đức:

- Tính cách, nết tốt.
- Người hiền, chất phác, thật thà, phục vụ mọi người.
- Biết bảo vệ cái đúng, chống cái sai, sống nhân nghĩa.
- Cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư.
- Không gian dối, luôn đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân.

+ Bác nói: Người có tài mà không có đức là vô dụng. Còn người có đức mà không có tài thì làm việc gì làm cũng khó khăn. Ý Bác dạy con người phải rèn luyện cả hai đức tính tài và đức mới gánh vác được việc nước.

II. S:

+ Tại sao có tài mà không có đức là vô dụng?

- Vì không có đức thì chỉ làm việc xấu, mà có tài thì làm việc lại càng xấu dẫn tới đại họa.
- Ví dụ: Một kỹ sư có tài như tham ô khiến xây cầu bị gãy.
- Hitler có tài quân sự nhưng đã gây chiến tranh đại họa cho nhân loại.

- Tài ví như trí tuệ, đức ví như trái tim, nếu thiếu trái tim thì hành động như mãnh thú, chỉ lợi dụng sức khoẻ tiêu diệt kẻ khác.

+ Tại sao có đức, không tài làm việc gì cũng khó?

- Không có tài làm việc không đạt yêu cầu.
- Phẩm chất tốt nhưng không hiểu biết, năng lực kém thì ý định tốt cũng khó thực hiện.
- Không có văn hóa, dù đạo đức tốt cũng khó xin được việc làm.
- Người cán bộ có đạo đức tốt mà kém tài năng sẽ dẫn tới cơ quan suy sụp, xí nghiệp phải thua lỗ.

III. C:

+ Do đâu mà Bác nói vậy?

- Thực tế rất nhiều người có tài thiếu đức, người có đức lại kém tài.

+ Ý nghĩa lời nói của Bác

- Tài và đức phải gắn bó, không tách rời được.
- Khuyến phải rèn cả tài và đức.

+ Thực hành lời Bác

- Rèn tài: học Toán, Lý, Hoá, Anh, Vi tính ...
- Rèn đức: học Văn, Sử, Địa, Công dân ...
- Là học sinh trước mắt phải ra sức học tập ở trường.

Lưu ý: Cần phải suy nghĩ nhiều để có nhiều ý.

B. Đặt vấn đề

+ Gợi (Chọn lối xuất xứ hay tương phản)

++ Đưa: Trích y “Nêu”

+++ Báo: Xác định giải thích Nào – Sao – Cầm

C. Kết thúc vấn đề

+ Tóm: Nói khác lời với “Nêu”, khẳng định tài đức phải đi đôi.

++ Rút: Có tài thì phải rèn đức, có đức phải rèn tài.

+++ Phấn: Ra sức học tập cả tài và đức

Bước 3: Hành văn:

Căn cứ tờ nháp có ý chi tiết viết thành lời

+ Đặt vấn đề { Chúng ta nhận thấy từ xưa tới nay vị
đúng phương vua hay tổng thống tài giỏi, hiền đức thì trị
pháp có đủ nước an dân. Nước giàu thì dân mạnh. Một
gợi, đưa, báo người thầy vừa có tài lại có đức thì đào tạo
được trò giỏi, đậu đạt cao, vì thế Bác Hồ,
nhân một buổi nói chuyện với học sinh có
+++ Báo: Xác định “Làm” dạy: “Có tài mà không có đức thì vô dụng. Có
kèm giàn ý đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”.

NSC và Chúng ta tìm hiểu thế nào là người có
xuống hàng tài có đức, tại sao có tài không đức thì vô dụng,
cho thoáng có đức không tài thì làm việc gì cũng khó và
suy nghĩ về mối quan hệ giữa tài và đức.

I. Nào:

+ Tài

Tài là thế nào? Tài là người có nhiều
kinh nghiệm trong việc làm vì thế việc làm
của họ luôn đạt hiệu quả cao, họ luôn thành
đạt trong việc khó khăn, tưởng chừng như
không thể giải quyết được. Một vị hiệu trưởng
có tài sẽ điều khiển việc dạy và học đều tốt
đẹp. Một thủ trưởng có tài làm cho cơ quan
xí nghiệp sản xuất tốt, đời sống công nhân
viên được nâng cao.

+ Đức

Nói về đức, thì thế nào là người có đức?
Là người có lòng nhân hậu, biết thương
người, biết đấu tranh bảo vệ cái đúng, cái

thiện và chống điều sai trái, luôn bảo vệ cái thiện, chống cái ác, biết cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, biết đặt quyền lợi chung lên trên hết, luôn phục vụ vì mọi người.

+ Cả câu của Bác

Bác nói như thế có nghĩa là tài và đức là hai yếu tố cần thiết phải có trong một con người ấy mới hữu dụng cho đất nước. Như vua Nghiêu, vua Thuấn trị nước an dân đến nỗi nhà ngu không cần đóng cửa, như Minh Trị Thiên Hoàng canh tân đất nước lên cường quốc. Đó là nhờ có tài lẫn đức.

II. Sao:

Lý lẽ và dẫn chứng sát hợp với luận điểm S1 (Tại sao có tài không có đức là vô dụng)

→ Lý lẽ này là chủ yếu để giải thích

→ Nếu không có lý lẽ trả lời tại sao này là không phải kiểu bài giải thích.

Thế nhưng có tài mà không có đức thì cũng hỏng, bởi vì sao? Vì không có đức thì chỉ làm việc xấu mà người ấy có tài nên cái tài làm việc có tài để phục vụ việc xấu, có khi dẫn tới đại họa. Một kỹ sư có tài xây dựng nên cầu bắc qua con sông, nhưng lại tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa, bớt xén xi-măng, cốt sắt khiến cầu bị sụp đổ, đó chẳng là có tài mà không có đức thì vô dụng hay sao! Xem như một vị tướng có tài đánh Đông dẹp Bắc, có chức quyền cao mà lại nghe lời xu nịnh dẫn tới ản của rút lút rồi tiêu tan sự nghiệp. Hiện tại ta thường thấy báo chí nói đến các vợ giám đốc hay đảng viên thoái hóa làm kinh tế giỏi nhưng vì ham danh vọng, tiền tài, ăn chơi ... dẫn tới làm thất thoát tài sản xã hội chủ nghĩa, phải vào con đường tù tội như vụ án Tamexco, Epcó, Minh Phụng đã minh chứng.

Xem vậy, thì có tài mà không có đức thì tai họa vô cùng!

Ta có thể ví tài như trí tuệ, đức như trái tim. Trái tim điều hòa nhịp đập của cơ thể con người, nếu thiếu trái tim con người sẽ hành động như mãnh thú, lợi dụng sức mạnh chỉ để tiêu diệt kẻ khác. Điển hình như Hitler của Đức quốc xã đã tàn sát nhân loại trong thời kỳ đệ nhị thế chiến và tham vọng làm bá chủ toàn cầu.

Lý lẽ và dẫn chứng sát hợp với luận điểm S2 (Tại sao có đức không tài làm việc gì cũng khó?) Nếu thiếu những lý lẽ này thì giá trị giải thích thấp.

Ngược lại, tại sao người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó? Có đức nên luôn muốn làm việc tốt, nhưng không có tài nên làm việc làm sao có kết quả được, đó là điều hiển nhiên. Phàm người có phẩm chất tốt, nhưng không hiểu biết, năng lực kém thì ý định tốt cũng khó thực hiện được. Muốn xin được việc làm mà văn hóa yếu khó được chấp nhận.

Một người chỉ huy nếu có đức mà không có tài năng, không biết tính toán ứng xử trong mọi tình thế sẽ làm cho sự nghiệp ngày một tồi tệ hơn. Đã có những trường hợp đảng viên làm giám đốc hết lòng vì nước vì dân, nhưng văn hóa thấp kém đã dẫn tới xí nghiệp bị phá sản, cửa hàng bị tiêu tan thì người ta mới phát hiện ra rằng vị giám đốc này trình độ văn hóa mới hết lớp 5. Thật chua chát thay!

III. Cảm:

Qua những lý lẽ trên, chúng ta nhận thấy tài đức lúc nào cũng phải đi song đôi với nhau, không thể tách rời nhau được. Có tài, thiếu đức thì phải rèn luyện bổ sung đức. Có đức mà không tài thì phải rèn luyện bổ sung tài để con người trở nên toàn diện và

Có được ý ở phần này ta áp dụng qui tắc: “Do - Ý - Thực” * Do đâu Bác nói như vậy? Ý nghĩa lời nói của Bác. Thực hiện ý tưởng của Bác.

Kết thúc vấn đề đủ 3 ý: Tóm - Rút - Phấn là một chu trình khép kín.

hữu ích. Tài và đức phải hòa hợp với nhau để tạo nên con người tài giỏi, đức độ mới mong phục vụ cho dân cho nước.

Lời Bác Hồ dạy có ý nghĩa thật sâu sắc, có tác dụng động viên mọi người, nhất là học sinh, thanh thiếu niên, là thế hệ tương lai của đất nước luôn phải rèn luyện cả tài và đức.

Nếu đất nước ta mọi người, ngay từ bây giờ biết cố gắng ra sức thi hành đúng lời dạy của Bác, thì chắc chắn sẽ không còn tệ nạn xã hội, không còn đảng viên thoái hóa, nạn tham ô của quyền. Đất nước được xây dựng văn minh, giàu mạnh. Mọi người đều được hạnh phúc, ấm no.

Tóm lại, sau khi tìm hiểu được lời dạy của Bác Hồ, chúng ta rút ra được kết luận là tài và đức là hai yếu tố cấu tạo nên con người toàn diện, hữu dụng. Là học sinh, trước tiên phải ra sức học tập thật giỏi. Rèn luyện sao cho tài và đức vẹn toàn: tài trí khôn ngoan, kính thầy yêu bạn để sau này đem tài và đức xây dựng bản thân, gia đình, đất nước hạnh phúc, ấm no.

NGHỊ LUẬN BÌNH LUẬN

1. BÌNH LUẬN LÀ GÌ?

Bình luận về một vấn đề là bày tỏ ý kiến của mình, đánh giá xem vấn đề đúng sai thế nào rồi bàn luận mở rộng vấn đề để giải quyết toàn diện.

Bài văn bình luận phải có hai phần rõ ràng bình và luận. Lý lẽ và dẫn chứng với số lượng bằng nhau.

Bình là giải thích vấn đề rồi đánh giá mức độ đúng sai. Luận là mở rộng vấn đề, thường theo các luận điểm như sau:

- Lật ngược vấn đề có tính cách đôn bầy để phê phán những quan niệm, thái độ không đúng.

- Khơi sâu vấn đề ở các khía cạnh thời gian, không gian, giai cấp.

- Nói về ý nghĩa, tác dụng của vấn đề.

- Xây dựng nhận thức, thái độ hành động đúng.

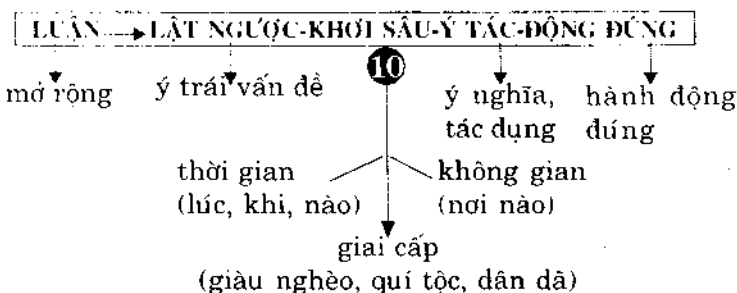
2. NHỮNG ĐIỀU CẦN NHỚ KHI LÀM BÀI VĂN BÌNH LUẬN

1. Khi làm phần bình: ta giải thích nội dung vấn đề rồi đánh giá mức độ đúng sai, có nghĩa là ta áp dụng qui tắc giải thích “NÀO – SAO – CẢM”. Có khác là ý của “NÀO”, “SAO” không cần bàn luận sâu lắm, còn ý “CẢM” phải đánh giá đúng sai về vấn đề. Thiếu bước này là không biết bình. Xác định đúng sai này, người chấm bài biết được bước đầu trình độ bình luận của học sinh.

Ba ý “NÀO – SAO – CẢM” được trình bày mỗi ý như một đoạn văn có kết cấu dựng đoạn.

2. Khi làm phần luận: Nếu thiếu phần này thì không phải là kiểu nghị luận bình luận. Người chấm bài sẽ đánh giá

thấp. Muốn làm được phần trọng tâm này, cần phải hiểu rõ cách luận. Căn cứ ở các cụm từ lật ngược, khơi sâu, ý tác, động đúng ở mục Bình luận là gì? Ta có thể rút ra qui tắc:



Để cho dễ nhớ qui tắc trên, ta hiểu nôm na là “Cứ lật ngược cuốn sách, rồi khơi sâu tìm hiểu thì ý của nó sẽ có tác dụng làm cho bạn hành động đúng”.

Kiểu bài nghị luận bình luận khó nhất là cách luận để mở rộng vấn đề, không những đòi hỏi phải động não, tư duy nhiều mà còn phải nắm được phương pháp.

Phương pháp để mở rộng vấn đề là qui tắc 10 kể trên. Ta thấy qui tắc này có 4 cụm từ. Mỗi cụm từ tương ứng với một đoạn văn là một luận điểm được trình bày theo kết cấu dựng đoạn:

Mở đoạn: Nêu ý cơ bản

Phát triển đoạn: Lý lẽ và dẫn chứng

Kết đoạn + chuyển ý sang đoạn sau

Có sức nhiều thì ta làm cả 4 đoạn, bằng không thì chỉ cần luận 2, 3 đoạn cho có chất lượng là đủ.

3. ĐỀ BÀI MINH HỌA NGHỊ LUẬN BÌNH LUẬN

Đề bài 1

“Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

Ca dao

Em hãy trình bày ý kiến về câu ca dao trên.

Bước 1: Tìm hiểu đề bài:

a) *Kiểu bài:* ý kiến = bình luận

+ Bình: “N – S – C” + Luận “Lật ngược ... động đúng”.

b) Trọng tâm vấn đề:

Làm con phải kính trọng và có hiếu với cha mẹ.

c) *Khía cạnh đề bài:*

+ “Nêu” – N1. (2 câu đầu)

+ “Làm” – L1 Bình - L2 Luận

Bước 2: Lập dàn ý và tìm ý:

Như ta đã biết đây là kiểu bài bình luận nên có hai phần bình và luận, có dàn ý rõ ràng rồi, ta có thể phác họa ngay được dàn ý tổng quát như sau:

Giải quyết vấn đề

I. Bình 1. N: Cắt nghĩa

2. S: Giải thích tại sao

3. C: Nhận xét chung, đúng, sai vấn đề

II. Luận 1. Lật ngược

2. Khơi sâu

3. Ý tác

4. Động đúng

Dàn ý chi tiết

I. Bình

1. N:

- + “Công cha như núi Thái Sơn”: Công cha to lớn như núi.
- + “Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”: Công mẹ như nước trong nguồn.
- + “Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”: Làm con phải tôn kính, hiếu thảo với cha mẹ.

2. S: Đạo làm con phải hiếu thảo với cha mẹ bởi:

- + Cha mẹ sinh ra con cái:
Không có cha mẹ thì không có mình ...
- + Cha mẹ nuôi dưỡng con:
Mang nặng đẻ đau, săn sóc lúc bệnh hoạn ... nuôi cho trưởng thành.
- + Cha dạy dỗ con nên người:
 - Dạy cư xử, dạy ăn nói, gói mở
 - Cho đến trường học

3. C: Bài học dạy con hoàn toàn đúng về đạo lý đền đáp công ơn cha mẹ.

II. Luận

- 1. Lật ngược: Do bản chất, thiếu giáo dục, xuất hiện đứa con bất hiếu cần phê phán như:
 - + Nuôi cha mẹ già yếu chẳng ra gì.
 - ...
 - + Đối xử tệ bạc với cha mẹ.
 - Hồn láo, chửi cha mắng mẹ ... ít vâng lời.

+ Phải lên án những hiện tượng xấu và coi đạo hiếu là một tiêu chuẩn đạo lý ở đời.

2. Động đúng: Người con có hiếu:

- Không ganh tỵ, gây bất hòa giữa anh em, phải kính trên nhường dưới.

- Tỏ ra ngoan, học giỏi

- Không làm gì để cha mẹ phải buồn

3. ...

Bước 3: Hành văn:

Ta đã hiểu cách làm phần đặt vấn đề và kết thúc vấn đề với qui tắc đã học thuộc. Bây giờ chỉ cần triển khai 3 phần bài nghị luận một cách dễ dàng vì phần giải quyết vấn đề đã làm nháp xong có được nhiều ý tưởng rồi.

Đề bài 2

Bình luận câu tục ngữ: “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn”.

DÀN Ý CHI TIẾT

A. Giải quyết vấn đề

I. Bình

1. N: + Tốt gỗ – nghĩa đen ... - nghĩa bóng ...

+ Nước sơn - nghĩa đen - nghĩa bóng

+ “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn”: Nội dung giá trị hình thức.

2. S: Tại sao nội dung có giá trị hơn hình thức?

- Nội dung là bản chất, năng lực của con người.

- Nội dung quyết định hình thức: Đạo đức, năng lực > đầu tóc, y phục.

- Giá trị con người phải là lao động.

- “Cái nết đánh chết cái đẹp”

3. C:

- Hình thức góp phần biểu hiện nội dung, bổ sung cho nội dung “Con lợn béo thì lòng mới ngoan”.
- Hình thức, diện mạo phản ánh trình độ con người.
- Hình dáng làm tăng giá trị nội dung. Sản phẩm cần mẫu mã.

→ Hình thức và nội dung phải gắn liền với nhau như hình với bóng, như vật chất và tinh thần của cơ thể.

II. Luận

1. - Lật ngược: Hình thức đẹp thường có nội dung tốt:

- Người có vóc dáng khỏe đẹp chắc năng lực lao động tốt.
- Qua vẻ bề ngoài có thể đoán được phẩm giá.
- Đôi mắt là cửa ngõ tâm hồn.

→ Thế nên không thể đánh giá nội dung một cách tuyệt đối.

2. Động đúng: Phải coi trọng trau dồi cả hình thức và nội dung.

- Phải vừa là con ngoan trò giỏi, đầu tóc, y phục gọn gàng.
- Năng luyện tập thể dục thể thao để có thân hình khỏe đẹp, tinh thần minh mẫn.
- Cổ vũ, tham gia tranh tài quốc tế làm rạng danh trường lớp, tổ quốc Việt Nam.

Đề bài 3

Bình luận câu tục ngữ: “Gắn mực thì đen gắn đèn thì sáng”.

DÀN Ý CHI TIẾT

A. Giải quyết vấn đề

I. Bình

1. N:

+ “Gắn mực thì đen”:

- Qui luật gắn mực thường bị lem luốc.
- Gắn môi trường xấu, nhân cách bị ảnh hưởng xấu.

+ “Gắn đèn thì sáng”

- Qui luật gắn đèn thì sáng
- Gắn môi trường lành mạnh, nhân cách thường tốt.

+ “Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng”: Môi trường sống và nhân cách có mối quan hệ nhân quả tốt, xấu.

2. S: Tại sao môi trường sống và nhân cách có mối quan hệ nhân quả xấu, tốt?

+ Ảnh hưởng xấu tốt ở môi trường sống.

- Bản tính con người thường hay bất chước. Ví dụ: kết mô-đen mới, thử heroin cho biết ...
- Do áp lực của tập thể không cưỡng lại được. Ví dụ: học sinh trốn học do nề nang ...
- Sống cạnh người xấu, việc tốt không được ủng hộ, việc xấu được khuyến khích, biến xấu thành tốt. Và sống cạnh người tốt thì ngược lại, mỗi cái xấu thì người tốt phê phán, cái tốt được nhân lên.

Dẫn chứng: Cha mẹ quan tâm đến con thì con và ngược lại.

+ Ảnh hưởng tốt xấu bởi môi trường phim ảnh:

- Xem phim, sách hay, học hỏi được nhiều điều hay.
- Xem phim, sách nhằm nhĩ với cảnh đâm chém, bạo lực, con người trở nên tàn bạo.

+ Ảnh hưởng tốt xấu của cảnh trí xã hội:

- "Con người là sản phẩm của xã hội" (Lênin).
- Tục ngữ khẳng định "Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài".
- Cụ thể như báo Công an thành phố Hồ Chí Minh có

đăng "Xã hội vỉa hè đã sản sinh 4 chị em gái đại náo ở Trường Mạnh Kiếm Hùng. Quận 5 do bệnh đứa em trai hư hỏng học trường này".

3.C:

Xem vậy thì môi trường tốt xấu có ảnh hưởng đến nhân cách của con người. Nhưng không phải là ảnh hưởng tuyệt đối vì vẫn có trường hợp gần mực mà không đen, gần đèn mà vẫn tối do sự chế ngự của con người.

Tục ngữ: "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

II. Luận

1. Lật ngược:

+ Có trường hợp gần mực mà không đen, gần đèn mà không sáng.

+ Gần môi trường xấu, con người vẫn tốt.

- Do biết làm chủ bản thân, làm chủ môi trường xã hội, con người là mối tổng hòa của xã hội, tuy là sản phẩm của xã hội nhưng vẫn có ý thức.

Dẫn chứng: Biết cảm hóa bạn xấu

→ Thực tế trong môi trường sống, không có nơi nào hoàn toàn tốt hay hoàn toàn xấu mà có xấu, tốt lẫn lộn.

+ Gần môi trường tốt, con người vẫn xấu:

- Gia đình gia giáo vẫn có đứa con cá biệt, bản chất xấu.
- Bản chất xấu khó cải tạo bởi một phần ba là do khí chất di truyền.

2. Khơi sâu: (khía cạnh thời gian)

+ Ảnh hưởng của môi trường xấu tốt đối với con người xưa nay ra sao?

+ Xưa:

- Cha mẹ có điều kiện quan tâm đến con cái hơn nên đa số chúng ngoan hơn bây giờ.
- Xưa nền giáo dục coi trọng “Tiên học lễ, hậu học văn” nên học sinh lễ phép hơn nay.
- Cha mẹ, thầy cô giáo thường răn đe con cái nghiêm khắc, có khi dùng roi vọt ...

+ Nay:

- Học sinh đông, cha mẹ, thầy cô quản lý không xuể nên có nhiều học sinh quậy phá, nghiện ma túy.
- Khoa học hiện đại cũng sinh ra nhiều cám dỗ tuổi trẻ như karaoke, phim sex, cà phê đèn mờ... khiến chúng ăn chơi sa đọa, hư hỏng nhiều.

3. Ý tác:

+ Câu tục ngữ là lời khuyên răn tốt về việc chọn bạn mà giao du vì môi trường giao tiếp rất quan trọng.

- Cần tránh xa môi trường không lành mạnh.

- Không giao du với bạn xấu.
- Đã có những học sinh bỏ học, tiếm nhiệm xì ke, bê tha, trộm cắp ... là tệ nạn của xã hội, là gánh nặng của gia đình cần phải giải quyết bằng cách giảng kỹ về ý nghĩa của câu tục ngữ.
- Đã có nhiều người nhờ chơi với bạn tốt trở thành trò giỏi, như báo chí có đăng.

4. Động đúng:

- + Chúng ta cần thực hiện lời khuyên của câu tục ngữ này:
- + Tìm đến nơi lành mạnh, giao du với bạn tốt.
 - Tổ ra lịch thiệp với bạn, chan hòa với tập thể
 - Chú ý đến điều hay mà học hỏi, cảm hóa bạn xấu
 - Vì hoàn cảnh phải ở trong môi trường xấu thì phải biết rút kinh nghiệm, tự kiểm chế không bị cám dỗ.
 - Không nên cô lập bạn xấu cũng như không tập trung các bạn xấu.
- + Xem sách báo, xem phim, nghe nhạc lành mạnh.
 - Tỉnh táo nhận xét cái hay, cái dở, cái nào là mực, cái nào là đèn.
 - Tẩy chay văn hóa đồi trụy
 - Hỏi cha mẹ, thầy cô giáo, bạn tốt để chọn cái hay.

Đề này được làm dàn ý chi tiết. Giải quyết vấn đề rõ ràng về bình và luận với cách tìm ý rất phong phú. Mong độc giả đọc kỹ lại lần nữa. Hiểu được “bí kíp”. Bình thì theo qui tắc “NÀO – SAO – CẢM” và luận thì theo qui tắc: “LẬT NGƯỢC – KHƠI SÂU – Ý TÁC – ĐỘNG ĐÚNG”. Tôi chắc rằng sẽ làm bài văn nghị luận bình luận một cách dễ dàng.

Đề bài 4

Bác Hồ dạy: “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời”. Em hãy bình luận lời dạy đó.

Bài làm

- Đặt vấn đề { Có một câu danh ngôn đã cho rằng:
- + Gợi: Lối { “Cuộc đời là một cái thang không có nấc cuối,
tương đồng { việc học là một quyển vở không có trang sau
– câu danh { cùng”. Như thế, tác giả của câu danh ngôn
ngôn cùng { đã xem việc học là một việc vô cùng quan
ý tưởng. { trọng đối với cuộc sống của con người. Cũng
đồng quan điểm như trên, Bác Hồ đã cho
- ++ Đưa: trích { rằng: Học hỏi là một việc mà con người lúc
y “Nêu” của { nào cũng phải theo đuổi trong suốt cuộc đời
đề bài { của mình. Thế nên, trong một cuộc nói
chuyện bác có nhận định: “Học hỏi là một
việc phải học hỏi suốt đời”.
- +++ Báo: Thân { Nhận định trên hoàn toàn đúng trong
bài có bình { cuộc sống của con người từ xưa đến nay.
và luận văn { Chúng ta cần có nhận thức đúng và mở rộng
đề { tìm hiểu thêm về vấn đề này để rút ra bài
học cho bản thân.
- Giải quyết {
vấn đề {
- I. Bình: { Học và tiếp thu những kiến thức mới,
những kiến thức được tích lũy từ xưa do thầy
cô giáo giảng giải, là tiếp thu những kinh
SAO – { nghiệm của ông cha để lại. Học cũng là nhận
CẢM” { thức những đổi mới chung quanh, những sự
việc đang phát triển. Cụ thể, việc học tập ở
nhà trường là nghe giảng bài và ghi chép
những lời thầy cô đã giảng. Từ đó, học sinh
sẽ xây dựng kiến thức cho mình.
1. N {
- Học là thế {
nào? {
- { Hồi là tìm hiểu những thắc mắc về các
vấn đề cần phải giải đáp. Như vậy, học hỏi

- Hồi là thế nào?

là vừa học vừa tìm hiểu để áp dụng vào thực tế những gì đã học trở thành những nhận thức riêng của từng cá nhân. Như Lênin nhận định: Việc học như là một việc từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, rồi lại từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Có nghĩa là khi nhìn sự vật khách quan, ta phải tìm hiểu nguyên nhân, từ đó rút ra nhận thức riêng để xây dựng cho mình tri thức, kiến thức mới.

- “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời” là thế nào?

Nhưng học hỏi như thế nào là đúng cách, đúng phương pháp? Học phải chăm chỉ, chuyên cần. Học không tiến bộ ngay lập tức được, nên ta phải chuyên cần: “Học phải đi đôi với hành”. Học mà không đi đôi với hành thì như người đi một chân. Học phải áp dụng vào thực tế. Học phải từ dễ đến khó, từ nhỏ đến lớn. Từ lúc nhỏ đã phải học, càng lớn càng phải đi học càng nhiều, phải nỗ lực. Về già cũng còn phải học.

Lý lẽ

→ Dẫn chứng; kết đoạn

Bằng chứng là còn nhỏ thì học ở trường mẫu giáo, lớn một chút thì có trường phổ thông cấp 1. Về già, thì có các trường tổ chức văn hóa, giáo dục thường xuyên, các viện khoa học kỹ thuật. Người nghèo khổ thì có các lớp học tình thương, lớp học đêm. Xã hội tạo điều kiện cho mọi người dân học, chỉ cần đầu tư công sức của mình nữa là xong. Do đó việc học phải là việc rất quan trọng ở tất cả các lứa tuổi.

Tại sao con người cần phải học hỏi suốt đời? Trong xã hội ngày nay, người có văn hóa được xã hội coi trọng. Như vậy học mang

2. S

- Tất cả các lý lẽ đều hướng về tại sao phải học hỏi?

đến cho con người kiến thức mới, người học là người có trình độ văn hóa. Văn hóa là chìa khóa mở ổ khóa, là khoa học kỹ thuật mang đến nhiều nhu cầu cần thiết tạo hạnh phúc ấm no và văn minh cho con người. Như vậy, việc học hỏi sẽ quyết định hạnh phúc cho cá nhân, xã hội và đất nước.

- Tại sao phải học hỏi suốt đời?

Những điều mà suốt đời ta học được ví như một hạt cát trong sa mạc mênh mông, như một giọt nước trong đại dương bao la. Cho dù có ai là bác học gì cũng chẳng thể nào giải thích hết các vấn đề trong vũ trụ được. Vì thế như Lênin nói: "Học, học nữa, học mãi".

- Kết đoạn

Muốn phục vụ được xã hội, con người phải có tri thức, muốn phục vụ được đời sống, con người phải có trình độ văn hóa, muốn khám phá những bí ẩn của vũ trụ con người phải có tri thức và văn hóa khoa học kỹ thuật. Vì thế mà việc học phải tiếp tục suốt đời.

3. C: - Đánh giá đúng sai của vấn đề - Có đoạn này mới có bình (phê bình)

Vậy, việc học hỏi là việc phải tiếp tục suốt đời là đúng. Con người không có học sẽ dẫn đến những việc sai trái do thiếu hiểu biết. Con người không học hỏi sẽ không theo kịp trình độ phát triển của thế giới, của thời đại, do đó sẽ bị đào thải trở thành cận bã của xã hội.

II. Luận:

1. Lật ngược - Đặt ngược vấn đề để phê phán:

Nhưng, cũng có những con người làm trái với qui luật, trái với lời dạy của Bác là không học tập đúng đắn. Họ không hiểu được mục tiêu của việc học hỏi nên học lơ là, không đúng cách, không chuyên cần. Và cũng do

- Học sinh không chịu học

con người có bản chất không tốt nên có những học sinh vào lớp không chăm chú nghe giảng, không lo học hành, cứ quậy phá mất trật tự, gây ảnh hưởng đến trật tự của lớp.

- Thầy cô và phụ huynh không quan tâm đến học sinh và con cái
- Phê phán cả chính quyền

Cũng có trường hợp cô giáo giảng chưa nhiệt tình, giảng qua loa khiến học sinh có chí học tập coi thường, không quý trọng thầy. Cũng có những bậc phụ huynh chỉ hết lòng vì con em mình. Cũng như cha quyền chưa quan tâm đến sự nghiệp "Vườn ươm ươm mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người" khiến con em phải thất học.

Kết đoạn

Sự thất học của con em dẫn đến trình độ của nhân dân thấp kém, kinh tế xã hội kém phát triển và là nguyên nhân chính của sự đói nghèo trong xã hội.

2. Động đúng
Để ra những nhận thức, thái độ, hành động học tập đúng một cách cụ thể, thiết thực.

Do đó, ta phải học tập hết mình tiếp tục học suốt đời một cách nghiêm túc, đúng đắn. Đất nước phải phụ thuộc vào hệ trẻ nên học sinh là tương lai của đất nước. Học sinh học giỏi, có trình độ sẽ có địa vị lãnh đạo đất nước. Hiểu như vậy, thì ở lớp coi thầy cô là cha mẹ, học tập chuyên cần, chăm chú nghe giảng. Ở nhà thì phải làm bài đầy đủ và phụ giúp việc nhà.

Học phải có kế hoạch như lập thời gian biểu, tuyệt đối làm theo đúng. Học phải dùng phương pháp. Xem trọng thực hành sau lý thuyết thông hiểu. Mạnh dạn hỏi thầy bạn chỗ nào chưa hiểu.

Ai cũng phải học hỏi dù ở hoàn cảnh nào: học văn hóa, học khoa học kỹ thuật, học nghề, học bổ túc văn hóa. Khi vào lớp thì giữ trật tự chung, chuyên cần học tập.

Không học để đối phó, phải tự giác như Lênin đã nói: “Học không phải là gạo để lấy điểm, không phù hợp trình độ mà học là để hiểu biết và tiến bộ”.

Kết thúc vấn đề
(1) Tóm: khẳng định vấn đề đã nêu ở đặt vấn đề và trích dẫn danh ngôn tương đồng
(2) Rút: bài học tán thành
(3) Phán: liên hệ bản thân, phán đấu thực hiện.

Qua những phần trên, chúng ta có thể khẳng định rằng học hỏi là một vấn đề rất quan trọng và cần thiết như ăn và ngủ của con người. Do đó, ai cũng phải học hỏi, học mãi không ngừng như Đức uyn đã nói: “Bác học không phải là ngừng học”. (1) Vậy việc học hỏi còn vừa là nghĩa vụ và quyền lợi của công dân. Qua lời dạy của Bác, em nhận thấy tuổi trẻ cần phải tranh thủ học tập nhiều nhất (2). Em sẽ học văn hóa, học nghề, học ngoại ngữ, vì tính ... Nhưng cũng không quên rèn đạo đức, học chính trị để trở thành con người toàn diện, thích ứng được với thời đại, với nền văn minh khoa học hiện đại của thế giới hiện nay (3).

NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH NHÂN VẬT

1. PHÂN TÍCH NHÂN VẬT LÀ GÌ?

Là nêu đặc điểm (1) của nhân vật, dùng dẫn chứng lấy trong các tác phẩm (2) để chứng minh và dùng lý lẽ (3) để giải thích cho đặc điểm của nhân vật trong truyện rồi đánh giá (4), ca ngợi hay phê phán nhân vật.

Đặc điểm của nhân vật là bản chất ở bên trong nhân vật. Muốn biết đặc điểm của nhân vật, ta phải căn cứ ở vẻ bề ngoài của nhân vật và lời nói, hành động, tâm trạng, cách giải quyết vấn đề, hình dáng, diện mạo, trang phục, có khi qua nhận xét của người khác.

Để cho dễ hiểu cách phân tích nhân vật theo định nghĩa trên, ta xem bảng phân tích từng đặc điểm theo trình tự (1), (2), (3), (4):

Nêu đặc điểm nhân vật (1)	Dẫn chứng lấy trong tác phẩm "....." (2)	Lý lẽ phân tích dẫn chứng ... Thế nào? (N) ... Tại sao? (S) (3)	Đánh giá ... Cảm xúc (C) (4)
Lão Hạc rất thương con	Thằng con lão đi rồi, lão quyết giữ mảnh vườn cho con "không đụng chạm đến đồng tiền bòn nhặt từ mảnh vườn" và gửi ba sào vườn của thằng con lão cho ông giáo để "không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến".	- Lão có trách nhiệm giữ di sản cho con. - Lão là người tốt. - Lão thương con sâu sắc hiếm có. - Do tình phụ tử	- Là người cha thương con vô bờ bến - Tình cha thương con thật cao cả quá!

(1)	(2)	(3)	(4)
Lão Hạc rất lương thiện	Phải bán một con chó, lão Hạc rất xót xa, đau đớn: “Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó”.	- Phải bán chó mà lão cảm thấy mình xấu xa như lừa nó cho người ta bắt, thì thử hỏi lão giám lừa ai nữa?	- Lão không thể làm điều trái lương tâm. - Lão có tâm hồn tinh khiết thật đáng khâm phục.
Lão Hạc có lòng tự trọng cao	Lão khước từ mọi sự giúp đỡ của ông giáo: “Lão từ chối một cách đường như là hách dịch”.	- Lão không muốn nhờ vả ai, từ chối như gàn dở. - Lão có tinh thần tự chủ.	Ta trân trọng, kính phục lòng tự trọng của lão.

Xem vậy thì phân tích nhân vật khó nhất là phải thuộc dẫn chứng lấy từ trong tác phẩm. Để giúp học sinh thuộc được một số dẫn chứng chứng minh cho đặc điểm mỗi nhân vật trong tác phẩm giảng văn. Tôi tóm tắt sẵn, hãy xem ở phần cuối.

2. NHỮNG ĐIỀU CẦN NHỚ KHI LÀM BÀI NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH NHÂN VẬT

- 2.1. Không biến bài văn phân tích nhân vật thành bài văn kể chuyện, nghĩa là trong bài phải có những dẫn chứng trực tiếp đóng khung trong ngoặc kép.
- 2.2. Đề bài có nêu sẵn đặc điểm nhân vật thì cứ tuần tự phân tích từng đặc điểm một. Nếu đề bài không nêu sẵn đặc điểm nhân vật thì học sinh phải nhớ bài giảng văn đã học mà tìm ra các đặc điểm.

2.3. Đặt vấn đề: Bài văn phân tích nhân vật luôn luôn phải dùng các lời xuất xứ, nghĩa là phải có tên tác phẩm. Đặt vấn đề có tên nhân vật + đặc điểm.

2.4. Dàn ý giải quyết vấn đề: Có 3 ý lớn

A. *Sơ lược hoàn cảnh nhân vật*: Tóm tắt ngắn, có thể không cần

B. *Phân tích các đặc điểm nhân vật*: Phần trọng tâm

Ta phân tích theo kết cấu dựng đoạn, mỗi đặc điểm như sau:

a) *Mở đoạn*: Nêu đặc điểm 1 – ý cơ bản 1

b) *Phát triển đoạn*:

+ Dẫn chứng lấy trong các tác phẩm để dẫn chứng cho ý cơ bản

+ Lý lẽ để giải thích cho ý cơ bản

Áp dụng qui tắc: “NÀO-SAO-CẢM”

c) *Kết đoạn*: ... CẢM? C

Rồi chuyển đoạn nêu đặc điểm 2 – ý cơ bản 2

(Phân tích như trên) ...

C. *Đánh giá nhân vật*: Ca ngợi nhân vật hoặc nêu những hạn chế nếu có, đồng thời không quên ca ngợi tác phẩm, tác giả và phê phán xã hội đương thời. Bài làm không có đoạn này sẽ mất đi giá trị của kiểu bài nghị luận phân tích nhân vật.

Lưu ý về trình bày dựng đoạn:

+ *Xét về nội dung*: kết cấu dựng đoạn có 3 ý như a, b, c kể trên. Mục a, b luôn phải có. Nếu mục a để ở cuối là lập luận qui nạp.

- + *Xét về hình thức*: phân tích nhân vật ta có thể phân ra nhiều đoạn, tùy theo độ dài, ta xuống hàng, lùi sang phải 2, 3 cm cho bài văn được thoáng và sạch đẹp. Nhớ rằng xuống hàng ở nơi hợp lý, ví dụ ở giữa mở đoạn và phát triển đoạn, giữa những dẫn chứng và lý lẽ, giữa phát triển đoạn và kết đoạn ...

TÓM TẮT

Dàn ý phân tích nhân vật 11

Đặt vấn đề

Gợi: Xuất xứ → Tác giả + Tác phẩm + Hoàn cảnh sáng tác
 Đưa: Tên nhân vật + Đặc điểm
 Báo: Nói trước thân bài

Giải quyết vấn đề

A. Sơ lược về nhân vật: tóm tắt ngắn

B. Phân tích các đặc điểm:

Mở đoạn: nêu đặc điểm 1

Phát triển đoạn: + Dẫn chứng ... DC₁ ... DC₂ ...

+ Lý lẽ ... thế nào? → N

... Tại sao? → S

Kết đoạn: Cảm xúc suy nghĩ → C → chuyển

đoạn: nêu đặc điểm 2 rồi phân tích như đoạn 1.

C. Đánh giá nhân vật:

- Ca ngợi phẩm chất hoặc phê phán nhân vật.
- Ca ngợi tác phẩm + tác giả
- Tố cáo xã hội đương thời

Kết thúc vấn đề

Tóm: Khẳng định đặc điểm

Rút: Phẩm chất, hạn chế của nhân vật

Phân: Noi gương hiện thực

3. BÀI LÀM MINH HỌA PHÂN TÍCH NHÂN VẬT

Đề bài 1

Em hãy phân tích đặc điểm của lão Hạc trong truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao.

Bài làm

Đặt vấn đề ngắn gọn nhưng hội đủ các yếu tố cần thiết theo qui tắc: “Gợi-Đưa-Báo”

“Lão Hạc” là một trong nhiều tác phẩm mà Nam Cao đã viết về cuộc đời của những người nông dân nghèo đói, rách rưới. Đó là câu chuyện về cuộc đời của lão Hạc, một người cha hết mực thương con và đó cũng là cuộc đời của một người lương thiện, nhân hậu và đầy lòng tự trọng mà chúng ta sẽ phân tích sau đây.

Giải quyết vấn đề

+ Mở đoạn: Nêu đặc điểm (1)

+ Phân đoạn:

Lưu ý: - Các dẫn chứng để trong ngoặc kép liên tục trích trong tác phẩm theo trình tự thời gian có giới thiệu dẫn dắt dẫn chứng khéo léo, tự nhiên.

Thật tội nghiệp cho lão Hạc! Lão thương con. Lão thương con lắm nên chỉ mong nó lấy được vợ. Nhưng đằng gái hỏi đòi hỏi nhiều quá nên thằng con lão đã bán vườn để cưới vợ, “lão không cho bán”. Chẳng phải lão giữ cho lão mà do lão lo cho con “Bán vườn đi rồi cưới vợ về ở đâu”. Thằng con lão không lấy được vợ, phải bỏ đi làm đồn điền cao su, “lão thương con lắm, nhưng biết làm sao được”. Lão xót xa đau khổ lắm vì “thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó người ta chụp rồi. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?”.

- Các lý lẽ xen sau mỗi dẫn chứng đều ngầm trả lời câu hỏi tại sao? { Thằng con đi rồi, lão quyết giữ mảnh vườn cho con “không đụng chạm đến đồng tiền bòn nhặt được từ mảnh vườn và lão tự tử sau khi “gửi ba sào vườn của thằng con lão” cho ông giáo để không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến”.

- Kết đoạn { Lão Hạc quả là người cha tốt, có trách nhiệm, giàu lòng thương con.

+ Mở đoạn: { Lão Hạc nhân hậu vô cùng. Thằng con lão đi rồi, lão sống thui thủi một mình với con chó trung thành. “Lão gọi nó là cậu Vàng, như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự”. Thỉnh thoảng không có việc gì làm “lão lại bắt rận cho nó, hay đem nó ra ao tắm”. Thường ngày, lão ăn gì nó ăn nấy “lão cứ nhấm vài miếng lại gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho con trẻ”.

- Dẫn chứng thể hiện qua tâm trạng, cử chỉ. { Đến khi phải bán “cậu Vàng” thì trong lão diễn ra một sự dằn vặt đau khổ “cười như mếu và đôi mắt ầng àng nước”. Nhắc đến lúc “cậu Vàng” bị lừa rồi bị bắt “mặt lão tự nhiên co rúm lại ... lão hu hu khóc”. Phải là một con người quảng đại, nhân hậu, bao dung thì mới có được tình thương yêu loài vật đến như thế. Quả thực hiếm có một con người đầy lòng nhân hậu thương yêu như lão Hạc .

- Lý lẽ: tại sao? {

+ Kết đoạn: Cảm xúc, suy nghĩ

+ Mở đoạn: { Bên cạnh đó, lương thiện cũng là một đức tính của lão Hạc. Khi phải bán con chó. Lão rất xót xa đau đớn: “Tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh

+ Phát triển đoạn:
 - Trích dẫn chi tiết trong tác phẩm để dẫn chứng liên tục theo thời gian → Khi ... khi ...
 - Đặc điểm bộc lộ qua cách GQVĐ.

lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó". Khi hết kế sinh nhai, không còn tiền mua gạo, "lão chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ ấy, lão chế tạo được món gì thì ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc hay bữa trai bữa ốc".

- Những lý lẽ (N.S) để lý giải hai dẫn chứng trên.

Một con chó bán đi mà lão cảm thấy mình xấu xa, coi như mình lừa nó khi cho nó ăn để thằng Mục bắt trói, thì thử hỏi lão còn dám lừa ai nữa. Trong cảnh đói cùng túng quá, người khá có thể đi ăn xin, có khi phải đi ăn trộm và "bắn cùng sinh đạo tặc". Nhưng đối với lão thì ngược lại, lão không còn cơm gạo thì lão đi tìm quả sung, trai, ốc có trong thiên nhiên để ăn chứ không thể làm những điều nhục nhã bất lương được. Lão chính là biểu hiện của sự lương thiện, sự tinh khiết của tâm hồn.

+ Kết đoạn

(a) Phương tiện để liên kết đoạn trên
 + Mở đoạn: Nêu đặc điểm (3)
 + Phân đoạn:
 - Dẫn chứng gián tiếp → (b)

Và còn hơn thế nữa, (a) tuy không có kiến thức, không được học hành, nhưng lão có ý thức rất cao về lòng tự trọng. Trước khi tự tìm cho mình một lối thoát lão đã gửi tiền (25 đồng và 3 đồng vừa bán con chó), đưa cho ông giáo để nói với hàng xóm giúp nếu còn thiếu, phòng khi hậu sự (b). Lão khước từ mọi sự giúp đỡ của ông giáo, "Lão từ chối một cách dường như là hách dịch". Lòng tự trọng của lão thật đáng khâm phục! Một con người

- Lý lẽ

nghèo đói, cô đơn đã gửi tiền nhờ hàng xóm lo hậu sự lúc mình chết, khước từ sự giúp đỡ, tránh nhờ vả. Lòng tự trọng thật cao cả, hiếm thấy có ai như lão.

Đánh giá nhân vật:

- Đề cao phẩm chất.
- Ca ngợi tác giả.
- Gắn với xã hội đương thời.

Trong bối cảnh xã hội đảo điên, vàng thau lẫn lộn lúc bấy giờ thì lão Hạc là một người nông dân bình thường, chân lấm tay bùn, nghèo đói, khổ cực, rách rưới. Nhưng chính trên mảnh nền đen tối đó, lão Hạc lại nổi bật lên với lòng thương yêu con vô bờ bến, lòng nhân hậu, sự lương thiện và lòng tự trọng mà Nam Cao muốn dựng lên, khắc họa đậm nét chân dung người nông dân tiêu biểu cao quý cho thế hệ hậu sinh học hỏi, noi gương.

**Kết thúc vấn đề
+ Tóm tắt 4 đặc điểm
đã phân tích.**

Lão Hạc không phải là con chiên của Chúa. Nhưng lão vẫn có sự thuần khiết của tâm hồn, chất chứa phẩm chất cao quý: rất lương thiện, có lòng nhân hậu, giàu lòng thương con và có lòng tự trọng cao.

**++ Rút bài học sâu
sắc về phẩm
chất nhân vật.**

Bây giờ không còn thấy những cảnh đời như cuộc đời của lão Hạc, nhưng tấm gương sống đạo đức của lão vẫn luôn đáng để chúng ta học tập và noi theo.

**+ + + Phấn đấu
noi gương thực
hiện và phẩm
chất của nhân
vật một cách cụ
thể, chân thành.**

Em noi gương lão Hạc về lòng nhân hậu và luôn biết tự trọng. Cụ thể là phải biết yêu thương cha mẹ, thầy cô, thương cả bạn nghèo đi học mỗi sáng bụng trống, em chia quà ăn sáng.

Em luôn biết tôn trọng người để người tôn trọng mình: không khạc nhổ bừa bãi, không quay cóp bài khi làm kiểm tra và làm sao không còn ăn bám khi đến tuổi trưởng thành.

Để hiểu rõ hơn phân tích nhân vật, hãy đọc bài làm đề bài 2 kế tiếp rồi ghi bên trái phần chú giải: tên 3 phần bài có chi tiết như sau:

- Đặt vấn đề: - Gợi
 - Đưa
 - Báo

Giải quyết vấn đề:

+ Phân tích các đặc điểm

- Mở đoạn
- Phát triển đoạn
- Kết đoạn

+ Đánh giá nhân vật có các yếu tố:

Kết thúc vấn đề:

- Tóm
- Rút
- Phấn

Dùng dấu gộp
phân ranh như
ở phần chú giải
thích bài 1 trên.

Đề bài 2

Giới thiệu truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa” của Thạch Lam, Nhà Xuất bản Văn học có nhận xét: “Đọc truyện ngắn Thạch Lam rõ ràng ta thấy Sơn có tình cảm thương con người. Từ đó, Sơn là đứa con ngoan. Sơn chơi với bọn con nhà nghèo một cách chan hòa”.

Hãy phân tích làm sáng tỏ ý trên.

Bài làm

Trước Cách mạng tháng 8-1945, xã hội ta là xã hội nửa thực dân, nửa phong kiến, đầy rẫy sự áp bức, phân chia giai cấp, giàu nghèo. Nhưng Thạch Lam đã xây dựng hình ảnh cậu bé Sơn đầy đủ phẩm chất tốt đẹp qua truyện “Gió lạnh đầu mùa”. Để ca ngợi tác giả và phẩm chất của bé Sơn, Nhà Xuất bản Văn học có nhận định: “Đọc truyện ... chan hòa”.

Sau đây, chúng ta hãy sơ lược hoàn cảnh của Sơn và phân tích các đặc điểm rồi đánh giá phẩm chất của Sơn trong hoàn cảnh thời đó.

Sơn sống trong một gia đình khá giả, được sự nuông chiều chăm sóc của mẹ và vú già. Nhưng Sơn vẫn có lối sống giản dị gần gũi với trẻ em nghèo, không ỷ lại, hách dịch. Sơn rất thương người và là đứa con ngoan. Thấy Hiền không có áo ấm trước mùa gió lạnh Sơn đã bảo chị Lan về lấy chiếc áo cũ cho Hiền.

Giàu lòng thương người không phải ai cũng có, nhưng Sơn mới 12 tuổi đã giàu lòng thương người. Chỉ nghe gió từ xa thoảng nhẹ, Sơn nhớ cái rét mẹ Sơn gởi cái áo bông cũ nói: “Đây là cái áo của con Duyên đây”. Mẹ Sơn nhắc đến đứa em đã chết làm Sơn “nhớ em, cảm động và thương em quá!”. Sơn thương nhớ em vì huyết thống với mình.

Anh em trong gia đình thương yêu nhau đã vậy, Sơn còn thương cả người ngoài. Sơn xúc động trước cảnh “Hiền đứng co ro bên cột quán, chỉ mặc chiếc áo rách tả tơi, hờ cả lưng và tay”. Một ý nghĩ tốt đẹp thoáng qua, lại gần chị Lan thì thầm “hay là chúng ta đưa cho nó cái áo cũ chị ạ”. Thế là Lan về nhà lấy áo, Sơn đứng chờ trong lòng thấy ấm áp ‘vui vui’.

Sơn đã băn khoăn trắc ẩn, ái ngại trước cái rét của Hiền nên tìm cách giúp đỡ. Sơn thấy trong lòng vui vui vì

cảm nhận được Hiên khỏi rét. Thường thì mỗi khi làm được việc gì tốt, giúp được cho người khác bớt đau khổ thì người có tấm lòng thương người thấy vui vui, hạnh phúc. Nếu trong xã hội mọi người biết “lá lành đùm lá rách” thì xã hội sẽ an vui, thịnh vượng.

Chẳng những Sơn giàu lòng thương người mà Sơn còn là đứa con ngoan biết vâng lời cha mẹ. Khi vú già hỏi có phải cậu đem cho con Hiên chiếc áo cũ phải không? Sơn lo quá! Sắp ăn, bỏ cả đĩa đứng dậy van: “Thế bây giờ làm sao hả vú? Mẹ con biết thì chết!”. Sơn biết sợ mẹ vì cho áo chưa xin phép mẹ. Rồi “Sơn vội vàng đi ra chợ tìm Hiên nhưng không thấy, đến nhà cũng không thấy ai. Hai chị em lo sợ đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp. Gần đến chiều vẫn chưa tìm được áo”. Hai chị em cố gắng tìm đòi áo lại vì sợ mẹ mắng, khiển trách mặc dù biết mình làm việc tốt. Một đứa con ngoan thì nhất thiết phải biết vâng lời cha mẹ, không được vượt quyền cha mẹ. Đó là đứa con ngoan. Thật đáng cho chúng ta học hỏi.

Không những Sơn là đứa con ngoan, có lòng thương người, Sơn còn biết chơi với bọn con nhà nghèo một cách thân thương, chan hòa.

Sơn rủ chị ra chơi với lũ trẻ con gia đình nghèo đang đợi đánh khăng, đánh đáo, “Sơn vẫn thân mật chơi đùa với lũ trẻ chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn”. Sơn không phân biệt giàu nghèo, chơi một cách hòa đồng. Khi thằng Xuân đến mó vào chiếc áo thì “Sơn lật vệt áo thâm, chia áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem”, Sơn không tự cao tự đại, xem chúng như bạn thân, chơi với nhau hòa đồng. Đó là một tình cảm thân thương khác thường, thật đáng quý!

Thạch Lam quả là một cây bút có tài viết về tuổi thiếu nhi. Ông rất rành tâm lý thiếu nhi! Nên đã thành công xây

dựng nhân vật Sơn tuy là cậu bé nhưng đã có tình cảm thương yêu sâu sắc. Tình cảm thương yêu này đã làm tăng giá trị truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa”. Đó là nguồn gốc của mọi tình cảm cao quý khác. Chúng ta phải cảm ơn tác giả Thạch Lam đã dạy thế hệ trẻ một bài học sâu sắc là “Người với người sống để yêu nhau”. Nhất là trong xã hội xấu xa đương thời mà xuất hiện nhân vật như bé Sơn, sống biết thương người nghèo khó đã làm ấm áp trong gió lạnh đầu mùa, làm cho tác phẩm càng có giá trị độc đáo.

Tóm lại, truyện “Gió lạnh đầu mùa”, tác giả Thạch Lam đã khắc họa hình tượng cậu bé Sơn mới 12 tuổi đã có những tình cảm đáng quý: giàu lòng thương người, chơi với bạn nghèo thân thương và là đứa con ngoan của gia đình. Truyện đã cho chúng ta bài học sâu sắc là: người với người sống phải biết thương yêu nhau.

Em đã noi gương Sơn biết thương yêu giúp đỡ kẻ nghèo khó hoạn nạn. Em sẽ chia sẻ với bạn học còn thiếu thốn bằng cách góp tiền mua học cụ giúp bạn. Em cần ra sức học tập tốt để khi khôn lớn có khả năng giúp đỡ giải quyết nạn trẻ em lang thang mà ta thường thấy trong thành phố hiện nay.

NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

1. PHÂN TÍCH TÁC PHẨM LÀ GÌ?

Phân tích tác phẩm là tìm hiểu đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đặt ra trong mối quan hệ gắn bó với tác giả và hoàn cảnh xã hội đương thời.

+ Tác phẩm là truyện hay bài thơ, đoạn thơ ...

+ Nội dung là những ý tưởng của tác phẩm.

+ Nghệ thuật thường là:

- Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, thậm xưng, câu hỏi tu từ, đối ngữ ...
- Nhạc điệu – âm thanh – màu sắc ...
- Hình ảnh gợi hình, gợi cảm ...
- Ngôn ngữ hàm súc, ít lời nhiều ý, nghĩa đen, bóng ...

2. NHỮNG ĐIỀU CẦN NHỚ KHI LÀM NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

2.1 Có kiến thức về tác phẩm:

- a) Đọc đề bài, tóm lược tác phẩm, nhớ lại tình tiết đã học, hiểu cốt truyện, đặc điểm nhân vật.
- b) Thuộc tiểu sử tác giả và quan niệm sáng tác.
- c) Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
- d) Chủ đề của tác phẩm.
- e) Thể loại: văn xuôi, văn vần, kịch, cáo, thơ lục bát, đường luật hay tự do.

2.2. Đừng quên phân tích nghệ thuật và nội dung:

- Nghệ thuật ví như mẫu mã, chứa chất lượng là nội dung sản phẩm, nghệ thuật ví như sắc của bông hoa mà nội dung là hương thơm nên phải gắn bó mới có giá trị.
- Nếu tác phẩm là thơ hay bài văn ngắn thì phân tích kết hợp nội dung và nghệ thuật để làm nổi bật khía cạnh chủ đề của tác phẩm.

- Nếu tác phẩm là truyện thì phân tích nội dung trước, phân tích nghệ thuật sau. Nội dung là những giá trị, tác dụng, hạn chế nếu có của cốt truyện và đặc điểm của nhân vật.
- Đặt vấn đề có gợi ý theo lối xuất xứ, không thể gợi lối khác.

2.3. Cách phân tích một ý thơ, một chủ điểm hay cả bài thơ như sau:

Ví dụ: Phân tích bài thơ “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan.

Ghi chú:

- “N1”: Nêu ý tổng quát
- “ND – N.S.C”: Phân tích nghệ thuật và nội dung ...
“NÀO – SAO – CẢM”.
- “TRD”: Trích dẫn thơ

DÀN Ý CHI TIẾT

N1: Cảnh tổng quát qua Đèo Ngang.

TRD: “Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa”

ND – N.S.C:

- Miêu tả xác định không gian “Bước tới Đèo Ngang” gợi nhớ vùng núi có Đèo Ngang Bắc Nam hiểm trở. Thời gian “bóng xế tà” gợi cảnh đang tàn, buồn.
- Điệp từ “chen”. Hiệp vần “tà, hoa, đá, lá”
- Đôi “cây chen” khác “lá chen”
- Cảnh bao quát, thừa cỏ cây hoa lá, sức sống đủ đua chen.
- Những hoang vu, đượm buồn man mác do thiếu bóng người.

N2. Cảnh cụ thể Đèo Ngang.

TRD: “Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia”.

ND – N.S.C:

- + Kết thúc vấn đề – Tóm: “Trời” (bóng xế tà), “non” (Đèo Ngang), “nước” (bên sông) khép kín với đặt vấn đề.
- Rút: “Một mảnh tình riêng” (nhớ nước thương nhà), “ta với ta” (một mình cô đơn).
- + Cảnh hoang vắng gợi buồn man mác.
- + Tình cô đơn, nhớ về quá khứ.

NHẬN XÉT

Thành qui tắc

A. Qui tắc phân tích theo trình tự bố cục của tác phẩm.

B. Mỗi ý thơ (chủ yếu) phân tích theo kết cấu dựng đoạn:

Mở đoạn (Tổng): Nêu (N) ý thơ, ý cơ bản của đoạn trích dẫn.

Phát triển đoạn (phân): Phân tích theo qui tắc.

N.T.D – N.S.C

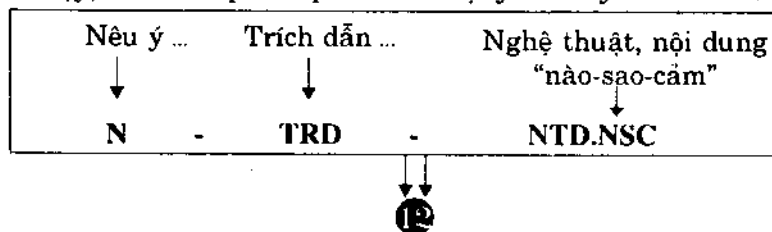
Áp dụng: “N-S-C” → đặt câu hỏi – đáp ra lý lẽ bằng cách:

- Nhìn vào đoạn trích, bám vào các từ ngữ quan trọng để đặt ra câu hỏi tìm ra lý lẽ.
- Đặt câu hỏi: ... có “NTD” ... nào? ... tại sao? ... cảm xúc? (nhập thân với tác giả) để làm ra từ nghệ thuật tìm ra được những ẩn chứa của nội dung sát hợp với ý thơ.

Kết đoạn (hợp): Vắn tắt (có thể không cần)

Lưu ý:

- Mở đoạn và phát triển đoạn luôn luôn phải có. Kết đoạn có thể có, có thể không.
- Nếu mở đoạn để ở sau phát triển đoạn là lập luận qui nạp.
- Vậy, ta rút ra qui tắt phân tích một ý thơ hay chủ điểm là:



2.4. Dàn ý tổng quát 3 phần bài nghị luận phân tích tác phẩm:

Nhớ sơ đồ sau:

Đặt vấn đề

- + **Gợi:** Lối xuất xứ → Tác giả, tác phẩm sản sinh
- + **Đưa:** Chủ đề tác phẩm + trích nguyên văn thơ ở đề bài
- + **Báo:** Phân tích ...

Giải quyết vấn đề

(Phân tích)

Nếu là thơ
+ Chủ điểm 1
 Ý thơ 1
+ Chủ điểm 2
 Ý thơ 2
+ Chủ đề 3
 Ý thơ 3
...

+ **Nêu "N"**
+ **Trích dẫn**
 "TRD"
+ **Phân tích**
 "NTD.NSC"

Nếu là truyện
+ Tóm tắt cốt truyện
+ Phân tích nội dung
 → Đặt điểm nhân vật
+ Phân tích nghệ thuật
 → Tác dụng

Kết thúc vấn đề

- + Tóm:** Khẳng định giá trị tác phẩm
- + Rút:** Ca ngợi tác giả + chủ đề, nêu hạn chế
- + Phấn:** Liên hệ thực hiện chủ đề

3. MINH HỌA PHÂN TÍCH TÁC PHẨM

A. Cách phân tích từng câu thơ:

Phân tích bài “Bánh trôi nước” của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

Đây là một bài thơ hàm súc có chủ đề tả thực bánh trôi (nghĩa đen), tượng trưng tả người phụ nữ (nghĩa bóng) về thân hình, cuộc đời và phẩm chất cao quý.

Phân tích tìm nghệ thuật và lý lẽ:

+ Mở đoạn ... (chủ đề trên)

+ TR. D1: “Thân em vừa trắng lại vừa tròn”.

+ NTD. NSC /Phát triển đoạn:

- Giọng: bằng lòng vừa ý vẻ đẹp của mình: da trắng, đẹp, nõn nà, thân gọn gàng, xinh xắn.

- “Trắng”, “tròn”: vẻ đẹp + phẩm giá phụ nữ xưa.

+ TR. D2: “Bảy nổi ba chìm với nước non”.

- Giọng than thở, trách móc.

- “Bảy nổi ba chìm” thành ngữ: thân phận người phụ nữ gian truân.

- “Nước non”: núi sông “quốc gia”, xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, làm khổ phụ nữ.

+ TR. D3: “Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn”.

+ NTD – N.S.C:

- “Rắn nát”, đời mình bị rủi ro thế nào chẳng nữa.
- “Mặc dầu” bất chấp không cần.
- “Tay kẻ nặn” người có quyền quyết định đời mình → nam giới.
- TR. D4: “Mà em vẫn giữ tấm lòng son”.

+ NTD – N.S.C:

- Giọng tự hào, quả quyết.
- “Mà”: nhưng, nghĩa đối lập.
- “Tấm lòng son”: vẫn trong trắng thủy chung, vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ.

+ Câu 1 đối câu 2: Người phụ nữ đáng hưởng hạnh phúc phải lặn lội đau khổ.

+ Câu 3 đối câu 4: Con người ≠ hoàn cảnh.

Tâm hồn con người ≠ xã hội bất công. Người phụ nữ vươn lên ≠ xã hội phong kiến dìm xuống.

B. Cách phân tích, hành văn hoàn chỉnh một khổ thơ:

Phân tích khổ 3 bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải.

+ N. Mở đoạn: suy nghĩ của nhà thơ về sự đóng góp của mỗi cá nhân, bản thân mình như thế nào? Nhà thơ tâm sự:

+ TR.D: “Ta là con chim hót

Ta làm một nhành hoa

Ta nhập vào bài ca

Một nốt trầm xao xuyến”.

+ Phát triển đoạn = NTD – N.S.C:

Tác giả đã chọn nhiều hình ảnh sinh động, cụ thể, những hình ảnh ẩn dụ “chim hót”, “nhành hoa”, “nốt trầm

xao xuyên” để nói lên sự đóng góp của mình. Trước hết tác giả muốn làm con chim hót, chính là muốn đem lại niềm vui yêu đời cho mọi người. Ở đâu ta thấy có tiếng hót của loài chim hay tiếng hát của con người thì ở đó ta thấy cuộc đời vô cùng hạnh phúc.

Không chỉ muốn làm chim hót mà nhà thơ còn muốn làm một cành hoa. Phải chăng nhà thơ muốn đem đến cho đời một vẻ đẹp và hương thơm. Ở đâu có hoa là mùa xuân, đó là tuổi trẻ, đó là sự sống. Mùa xuân của Thanh Hải còn tràn đầy tiếng nhạc. Nhà thơ muốn là một “nốt trầm xao xuyên”. Nhà thơ không muốn làm nốt cao trong bản nhạc hòa tấu, thật khiêm tốn, làm cái nền, làm xao xuyên cho bản nhạc đại hòa tấu của mùa xuân dân tộc.

2. Phân tích khổ 1 bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của nhà thơ Huy Cận.

+ N. Mở đoạn: Khổ thơ đầu tác giả miêu tả đoàn thuyền đánh cá ra khơi, con người và thiên nhiên hiện lên đầy đối lập:

+ TR. D: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.”

+ Phát triển đoạn /NTD – N.S.C:

Khổ thơ tuy có 4 câu, nhưng tách làm 2 ý, miêu tả hai lực lượng khác nhau: con người và thiên nhiên. Với nghệ thuật so sánh “mặt trời như hòn lửa” thật lạ lùng, li kỳ, dữ dội như “hòn lửa”. Hình ảnh ấy gợi cảm xúc một màu sắc rực rỡ, một sự bùng sáng thật chói lọi. Nhưng sự chói lọi ấy chỉ là sự chói lọi cuối cùng trước khi biển đi vào bóng đêm. Đó là sự tuần hoàn của mặt trời đều đặn trong vũ trụ được tác giả miêu tả tài tình, rõ rệt bằng cụm từ nhân hóa “xuống biển”. Vậy dù là “hòn lửa” xuống biển rồi mà không bao giờ tắt.

Cũng với sự yên nghỉ của mặt trời như “hòn lửa” đã xuống biển thì sóng và đêm lại biểu hiện trong thơ như hai người cần thận “cài then”, “sập cửa” bằng nghệ thuật nhân hóa sinh động gợi cảm xúc có một bóng tối và sự yên tĩnh hoàn toàn trong giấc ngủ của biển khơi bao la.

Nhưng thiên nhiên của vũ trụ có được yên nghỉ đâu? Tuy là sóng đã “cài then” đêm đã “sập cửa” nhưng đoàn thuyền đánh cá “lại ra khơi”. Từ “lại” tương như thừa trong câu thơ, hóa ra cứ mỗi khi mặt trời tắt lịm, sóng và biển êm ả vào đêm thì con người lại kéo ra cái thế giới mệnh mông tối tăm, huyền hoặc khuấy động bao nhiêu lần, bao nhiêu đêm rồi. Họ đã đánh cá không chỉ một đêm thôi. Khi đoàn thuyền đánh cá xuất hiện ra khơi hoặc nâng lên nhẹ bổng và lao vút, không chỉ bằng hành động mà còn bằng lời ca, tiếng hát của ngư dân. Lời hát ngân nga có sức mạnh thần kỳ như luồng gió thổi căng cánh buồm. Đó chính là biện pháp tưởng tượng lãng mạn “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Tác giả tưởng tượng phi lý mà lại có lý để bổ sung cho ý nghĩa, cho hiện thực miêu tả.

C. Cách phân tích tác phẩm với giàn ý chi tiết:

Phân tích đoạn thơ miêu tả chị em Thúy Kiều trong tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

Đặt vấn đề

- + Gợi (xuất xứ): Tác giả ... , tác phẩm ... , hoàn cảnh sáng tác ... , chủ đề tác phẩm ...
- + Đưa: Giới thiệu đoạn trích ...
- + Báo: Phân tích vẻ đẹp chung, vẻ đẹp của Vân rồi tài sắc của Kiều.

Giải quyết vấn đề

N1: Vẻ đẹp chung của hai chị em Kiều.

TR. D:

“Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân
Mai cốt cách, tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười”

NTD – N.S.C:

- Hình ảnh tượng trưng + ẩn dụ: “mai”, “tuyết”, đẹp ước lệ trong thiên nhiên so sánh với sắc đẹp chị em Kiều.
- Vẻ đẹp chung đều sinh đẹp, thanh cao, trong trắng, hình dáng đẹp 100%.

N2: Vẻ đẹp của Thúy Vân.

TR.D: “Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”.

NTD. N.S.C:

- Miêu tả tính cách ước lệ + ẩn dụ + từ chọn lọc “khuôn trăng” / “đầy đặn”, “nét ngài” / “nở nang”, “hoa” / “cười”, “ngọc” / “thốt”.
- Vẻ đẹp phúc hậu, gương mặt đầy đặn, lông mày như con ngài. Miệng tươi cười, tiếng nói trong như ngọc, tóc mượt như mây, da trắng như tuyết.
- Miêu tả người bảo trước phúc hậu kết duyên với Kim Trọng.

N3: Vẻ đẹp của Thúy Kiều.

TR. D: “Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”

NTD – N.S.C:

- Biện pháp ước lệ + ẩn dụ + nhân hóa + thậm xưng “làn thu thủy”, “nét xuân sơn”, “ghen”, “thua”, “hòn”.
- Sắc đẹp của Kiều: Mát như nước mùa thu. Mây xinh như dáng núi mùa xuân. Dung nhan mơn mớn khiến liễu phải hồn, hoa phải ghen.

N4: Tài của Kiều:

TR. D:

“Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bậc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”

- Kiều rất tài hoa: Tài làm thơ, tài vẽ, đặc biệt là đàn hát khiến “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”.

- Đúng như đầu Truyện Kiều đưa vấn đề:

“Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau”

Để rồi kết thúc truyện “Có tài mà cậy chi tài, Chữ tài liền với chữ tai một vần”.

“Thiên căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”

- Tài tả người của Nguyễn Du: Tài sắc của Kiều báo trước số phận phải lưu lạc giang hồ “Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần”.

Kết thúc vấn đề

+ **Tóm:** Miêu tả đặc sắc tài tình, khắc họa vẻ đẹp chân dung chị em Kiều một cách tuyệt mỹ.

++ **Rút:** Miêu tả chân dung báo trước số phận.

++ Phân: Em thận trọng việc chăm sóc sắc đẹp ở mức vừa phải và không nên tự kiêu về nhan sắc mỹ miều của mình.

D. Phân tích tác phẩm thơ hoàn chỉnh:

Đề bài

“Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”

(Ca dao)

Hãy phân tích bài ca dao trên và phát biểu cảm nghĩ của em về nhân phẩm con người.

Bài làm

Đặt vấn đề	Dân gian có nhiều câu ca dao, tục ngữ rất hay. Đó là những bài học sâu sắc dạy cách sống ở đời. Ai thuộc nhiều câu ca dao, tục ngữ ví như người đó có một túi khôn. Các bài ca dao thường thiên về tình cảm, bộc lộ tâm hồn con người qua lời ca tiếng hát. Bài ca dao sau đây khuyên người phải luôn sống thanh bạch trong bất cứ hoàn cảnh nào:
Gợi ý xuất xứ →	“Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng Nhị vàng bông trắng lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”
Đưa chủ đề, trích y	Bây giờ chúng ta phân tích nội dung, nghệ thuật bài ca dao trên và phát biểu cảm nghĩ liên tưởng đến phẩm chất con người.
Báo	
- Phân tích	
bài ca dao	
- Phát biểu	
cảm nghĩ	

Giải quyết vấn đề { Bằng thể thơ lục bát, với ý nghĩa hàm súc tả bông sen mà ngầm nói đến phẩm chất của con người Việt Nam.

I. Phân tích: { Ngay câu đầu, tác giả miêu tả giới thiệu ngay cho ta thấy vẻ đẹp của bông sen một cách lạ thường:

TR. D1

“Trong đầm gì đẹp bằng sen”

NTD – N.S.C { Với nghệ thuật so sánh “bằng” mà lại so sánh ngầm “gì đẹp bằng sen”, lại là câu hỏi tu từ để khẳng định rằng các loài hoa đều đẹp cả, mỗi loài một vẻ, nhưng ở loài hoa nào đẹp bằng hoa chưa?

Chuyển ý { Bông sen đẹp nhất trong các loài hoa, bởi vì:

TR. D2

“Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng”.

NTD – N.S.C { Ở câu này tác giả miêu tả sắc đẹp của bông sen từ ngoài vào, tả lá rồi đến hoa và cuối cùng là nhị. Mỗi phần một màu: lá màu xanh, bông màu trắng, nhị lại màu vàng. Đó là 3 màu chính là nghệ sĩ sẽ pha chế ra các màu khác. Ba màu thật tuyệt, tạo được sự hài hòa cho hoa sen, một bông hoa mà nhiều người ưa thích.

Sơ kết

{ Bên cạnh lá xanh là bông trắng. Giữa bông trắng lại có nhị vàng. Lá, bông, nhị của hoa chen chúc sinh nở thật đẹp làm sao! Với nghệ thuật miêu tả tài tình, tác giả càng làm tăng vẻ đẹp của bông sen.

TR. D3

{ Ở câu 3, vẫn nghệ thuật miêu tả hoa sen, nhưng tác giả lại miêu tả ngược lại:

“Nhị vàng bông trắng lá xanh”

NTD – N.S.C

Vẫn có 3 màu sắc cơ bản tươi đẹp ấy. Dù đứng ở đâu mà nhìn, trông hoa sen trong đầm vẫn đẹp cả hình sắc lẫn phẩm chất. Câu thơ này vẫn khẳng định vẻ đẹp giản dị nhưng trong trắng của hoa sen, không thể lẫn lộn với loài hoa nào khác.

TR. D4

Và đây câu cuối cùng, đó mới là vẻ đẹp thực sự của hoa sen; vẻ đẹp tâm hồn:

“Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”

NTD – N.S.C

Từ ngữ “mà chẳng”, tác giả nhằm khẳng định một lần nữa phẩm chất của hoa sen. Hoa sen mọc ở nơi đầm lầy bùn nhơ mà hoa không bị ảnh hưởng mùi “hôi tanh”. Hoa sen vẫn vươn lên với cuộc sống tươi đẹp, hoa sen tỏa hương thơm ngát, vẫn giữ vẻ đẹp trong trắng, thanh sạch.

Sơ kết

Từ xưa, dân ta đã coi bông sen là loài hoa có biểu tượng đẹp nhất. Tác giả mượn hình ảnh bông sen là để nói về phẩm chất của con người: dù sống trong hoàn cảnh nào cũng phải giữ gìn mình cho ngay thẳng, trong sạch.

II. Phát biểu
cảm nghĩ

- Ý nghĩa bông sen
- Mặt tích cực và tiêu cực trong đời sống.

Hoa sen được ví như người Việt Nam sống giản dị, trong sạch, dù trong hoàn cảnh khó khăn vẫn vươn lên sống lương thiện. Tuy rằng vẫn có một số người vì lợi ích cá nhân ích kỷ đã can tâm hạ thấp phẩm giá của mình như cùng túng đi trộm cắp, cướp giết hay tham ô tài sản của xã hội thật đáng trách. Nhưng nói chung,

dân tộc Việt Nam đại đa số vẫn đẹp như bông sen, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, vẫn cần cù, chịu thương chịu khó lao động sản xuất, sống thanh bạch.

Kết thúc vấn đề
Đúng theo qui
tắc: “Tóm – Rút
–Phân”

Bài ca dao miêu tả tài tình, ý hàm súc, khuyên bảo chúng ta sống phải giữ lòng trong sạch như hoa sen gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, “Tháp Mười đẹp nhất bông sen, Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”. Bông sen là biểu tượng cho dân tộc Việt Nam cần cù trong lao động, thanh sạch trong cuộc sống.

Em hứa phấn đấu trở thành người sống thanh sạch, thanh cao như hoa sen của gia đình em, của đất nước Việt Nam.

E. Phân tích tác phẩm truyện hoàn chỉnh:

Đề bài

Phân tích truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

Bài làm

Gợi ý và đưa
vấn đề rõ

Nguyễn Thành Long, nhà văn yêu nước, đã sớm trưởng thành trong văn đàn. Ông viết báo từ năm 18 tuổi và tham gia kháng chiến chống Pháp. Sau tập kết ra Bắc, ông công tác trong Hội nhà văn Việt Nam. Ông chuyên viết truyện ngắn, có chủ đề ca ngợi cuộc sống đẹp, trong sáng. Truyện “Lặng lẽ Sa Pa” có anh thanh niên, nhà khí tượng địa cầu có đặc điểm cao quý được mọi người yêu quý.

Báo trước thân bài dân ý 3 { Trước tiên, chúng ta sơ lược cốt truyện, sau đó sẽ phân tích đặc điểm của anh thanh niên sống có lý tưởng và tìm ra nghệ thuật quyết vấn đề. của tác phẩm.

Giải quyết vấn đề

Truyện “Lặng lẽ Sa Pa” có bốn nhân vật: anh thanh niên, họa sĩ già, bác lái xe và cô kỹ sư trẻ. Ngoài ra còn có các nhân vật gián tiếp đề đề cao chủ đề là anh thanh niên sống có ý tưởng, cuộc sống đẹp. Anh thanh niên lặng lẽ âm thầm làm việc trên đỉnh núi Yên Sơn và tự xếp đặt cuộc sống khá tươm tất. Mỗi nhân vật đều thể hiện tính cách riêng đáng mến. Đặc biệt đều có trách nhiệm, tinh thần làm việc cao vào sự nghiệp chung là xây dựng tổ quốc.

I. Tóm tắt cốt truyện



II. Phân tích nội dung:

→ đặc điểm nhân vật

- Nêu đặc điểm (1)

Anh thanh niên là nhà khí tượng kiêm vật lý địa cầu, quanh năm sống và làm việc trên đỉnh Yên Sơn mây mù lạnh lẽo. Ở nơi vắng người ấy, anh có một tinh thần trách nhiệm tự giác, tự nguyện rất cao. (1)

- Lý lẽ và dẫn chứng phân tích hướng về đặc điểm (1)

Ở đỉnh núi thì không có ai để kiểm tra anh, giám sát việc làm của anh. Anh có thể lơ là công việc, biếng nhác. Nhưng anh vẫn lặng lẽ hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Anh vẫn báo tin đúng giờ và chính xác dù vào lúc một giờ sáng với bão tuyết, gió lốc, sự im lặng đáng sợ. Do nhờ sự báo tin chính xác của anh đã phát hiện ra một đám mây khô đã tạo nên chiến thắng trong trận đánh giặc.

- Phát triển đoạn:

Phân tích:

TRD - NSC

Anh lại có một tâm hồn ấm áp tình người (2). Anh nói với bác họa sĩ: “Mình sinh ra để làm gì, mình đẻ ra ở đâu và mình vì ai

- Trích dẫn
“...” để chứng
minh NSC /lý
lẽ đều phù hợp
với đặc điểm
(2)

mà làm việc”. Anh đã tiếp đãi mọi người rất tử tế và chân tình. Anh coi mọi người chung quanh là quen thuộc cả. Chính sự chân thực ấy, anh đã hoạt động vì nhân dân, vì nước.

Thêm vào đó, anh quan tâm đến người khác, thực sự lo lắng cho người khác. Anh trao cho bác lái xe củ tam thất và nói: “... chẳng phải hôm trước bác gái vừa ốm dậy là gì?”. Anh chân thành đưa cho bác họa sĩ cái giò trứng và đặc biệt với cô gái, anh cắt cho một bó hoa to và nói: “Cô lấy bao nhiêu nữa thì tùy thích, có thể cắt hết nếu cô muốn”. Ai mà không quý cách đón khách trân trọng và tử tế như thế!

- Nêu đặc
điểm (3)

- Phân tích
bằng lý lẽ
và dẫn
chứng từ
tác phẩm rồi
phát biểu
cảm nghĩ
đều hướng
ý cơ bản là
đặc điểm (3)

Còn nữa, anh thanh niên ấy có cuộc sống đẹp, sống có văn hóa (3). Ông họa sĩ lên thăm bất ngờ, chắc anh chưa kịp gấp chăn màn, dọn dẹp nhà cửa. Nhưng trái lại, nơi anh ấy ở còn sạch đẹp nữa là khác. Chỉ cần đứng ngoài nhà cũng đủ thấy vẻ đẹp toát ra từ ngôi nhà anh ở: Anh trồng nhiều loài hoa. Nơi heo hắt anh trồng hoa làm gì? Đó là vì anh muốn sống đẹp, sống có văn hóa. Anh trồng hoa cho đẹp nhà cửa, chăm sóc hoa cho khuây khỏa, bớt nhớ nhà. Thật là hữu cảnh đẹp sinh tình cảnh đẹp! Đó là cuộc sống tươi đẹp vậy.

Như thế, sống đẹp, sống có văn hóa, không phải là chỉ ăn mặc đẹp, sửa soạn đẹp mà đẹp phải toát ra từ tâm hồn tình cảm của con người. Sống đẹp là một tâm hồn đẹp bộc lộ ra ngoài qua tính cách.

- Phân tích
đặc điểm
(4) rồi phát
biểu cảm
nghĩ về chủ
đề của tác
phẩm

Hơn nữa, anh lại có một đức tính rất
khiêm tốn (4). Thời gian tiếp khách 30 phút,
thế mà anh chỉ nói về mình có 5 phút, mà
toàn nói về người khác. Trước mặt cô kỹ sư
và ông họa sĩ đang ghi chép về mình, anh
thật bối rối, cảm thấy mình không đáng. Anh
chân thành giới thiệu những người mà anh
cho là đáng ghi lại hơn như ông kỹ sư già
tận tụy nghiên cứu suốt 11 năm.

Anh thanh niên thật là một mẫu người
lao động lý tưởng. Anh đã sống vì hạnh phúc
của mọi người làm hạnh phúc của mình nên
cuộc sống của anh luôn tươi đẹp và đầy ý
nghĩa.

III. Phân tích nghệ thuật

- Giá trị nghệ
thuật (A)

Tác giả viết rất ít về anh thanh niên,
nhưng thông qua lời kể của bác lái xe và
cuộc đối thoại, gặp gỡ giữa anh thanh niên,
bác họa sĩ và cô gái đã làm nổi bật được tính
cách của anh thanh niên. Đó là nghệ thuật
miêu tả tính cách nhân vật (A) từ gián tiếp
đến trực tiếp. Thông qua các nhân vật gián
tiếp ở tuyến sau càng làm cho hình tượng
của anh thanh niên thêm phần đẹp đẽ.

- Giá trị nghệ
thuật (B)

Song song với miêu tả người, tác giả
còn miêu tả về đẹp thiên nhiên của Sa Pa
nên làm tác phẩm có giá trị hiện thực (B)
giới thiệu những khung cảnh độc đáo của
Sa Pa. Sa Pa vốn đã đẹp với nét đẹp của thiên
nhiên giản dị hài hòa. Ta thấy Sa Pa đẹp lên
nhiều lần với cái sương mù, cái nắng trưa
êm dịu.

- Giá trị nghệ thuật (C) Tác giả lại có cách miêu tả các nhân vật gián tiếp, nhân vật phụ tài tình (C). Chỉ thông qua vài lời kể của anh thanh niên, ta đã hình dung ra nhân vật rất đậm nét.

Kết thúc vấn đề
- Tóm tắt nghệ thuật và nội dung đã phân tích ở GQVD
Tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa" có nghệ thuật miêu tả đặc sắc các nhân vật phụ để đề cao nhân vật chính và miêu tả cảnh hiện thực chính xác, gợi cảm làm nổi bật chủ đề của truyện là anh thanh niên có những nét độc đáo đáng yêu, một mẫu người lý tưởng: có tâm hồn ấm áp tình người, có tinh thần trách nhiệm tự giác cao, có cuộc sống đẹp, và rất khiêm tốn.

- Rút / bài học và phấn đấu noi gương
Lối sống đẹp của anh thanh niên là một tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Em cố gắng thực hiện theo lối sống ấy để có thể là "Một mùa xuân nho nhỏ" như Thanh Hải.



MỤC LỤC

KHÁI QUÁT VĂN NGHỊ LUẬN	7
1. So sánh văn nghị luận với văn miêu tả và văn kể chuyện	7
2. Văn đề là gì?	8
3. Bài văn nghị luận là gì?	8
4. Các kiểu bài văn nghị luận	8
5. Đề bài văn nghị luận	9
6. Lý lẽ là gì?	10
7. Cách tìm lý lẽ	11
8. Bài tập tìm lý lẽ	15
9. Dẫn chứng là gì?	16
10. Cách tìm dẫn chứng	16
11. Cách trình bày dẫn chứng	18
12. Bài tập tìm dẫn chứng	19
PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN	21
1. Cách đặt vấn đề	21
2. Đặt vấn đề minh họa	23
3. Bài tập đặt vấn đề	26
4. Cách giải quyết vấn đề	27
5. Quy tắc lập dàn ý phần giải quyết vấn đề	28
6. Minh họa cách lập dàn ý giải quyết vấn đề	29
7. Bài tập lập dàn ý giải quyết vấn đề	35
8. Cách kết thúc vấn đề	36
9. Minh họa kết thúc vấn đề	37
10. Bài tập cách kết thúc vấn đề	40
11. Quy trình làm bài văn nghị luận	41
12. Minh họa làm bài văn nghị luận (ba bước)	45
LÝ THUYẾT VỀ KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN	50
Nghị luận chứng minh	50
Nghị luận giải thích	57
Nghị luận bình luận	69
Nghị luận phân tích nhân vật	84
Nghị luận phân tích tác phẩm	96

PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN 8 VÀ 9

Nguyễn Công Huân

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH

03 Công trường Quốc tế, Q. 3, TP HCM

ĐT: 823 9170 - 823 9171 - Fax: 823 9172

Email: VNUHP@Fmail.vnn.vn

★ ★ ★

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN QUANG ĐIỂN

Biên tập

TRẦN VĂN THẮNG

Sửa bản in

PHẠM VĂN THỊNH

Trình bày bìa

MT. DESIGN Co.

*In 1000 cuốn, khổ 13x19cm. Giấy phép xuất bản số 49/372/XB-QLXB do
Cục xuất bản cấp ngày 21.03.2002. Giấy trích ngang số : 119/KHXH
ngày 9/5/2002. In tại Xưởng in CN Trung Tâm Hội Chợ Triển Lãm Việt
Nam, nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2002.*

PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

LỚP 8
9



Đào Ngọc
VINYLING

25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM
ĐT: 8242157 - 8239022 - FAX: 8239079
9 Phan Đăng Lưu, Q.BT, TP.HCM, ĐT: 8413306
Email: minhtracou@hcm.vin.vn

493.2